



# Danh Mục Thuốc 2024

Có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2024



[Ambetter.AbsoluteTotalCare.com](https://www.Ambetter.AbsoluteTotalCare.com)

# Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

## DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter from Absolute Total Care, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược và nên được coi là điều trị bước một. FDA yêu cầu thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc theo toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng xuất hiện trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

### Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

**Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng cho mục đích phòng ngừa và được Đạo luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Phải Chăng quy định. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.

**Bậc 1A**- Khoản đồng thanh toán thấp nhất dành cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.

**Bậc 1B**- Khoản đồng thanh toán thấp dành cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.

**Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị cho cùng bệnh trạng.

**Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ các loại thuốc biệt dược và thuốc gốc không ưu tiên có chi phí cao hơn. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.

**Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc thuốc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

## Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Ủy Quyền Trước. Bộ phận Dịch Vụ sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết để giải quyết các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

### Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn về Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ khi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và dạng không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

### Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu “**Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày**” cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong bất kỳ khoảng thời gian 28 ngày nào và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong bất kỳ khoảng thời gian 90 ngày nào. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders</b>		
<b>Amphetamines</b>		
<i>amphetamine sulfate TABS</i>	3	PA
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG</i>	1B	
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
VYVANSE CAPS	3	QL(1 ea daily); ST
<b>Anorexiants Non-Amphetamine</b>		
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
<b>Anti-Obesity Agents</b>		
CONTRAVE	3	QL(4 ea daily); PA
<b>Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents</b>		
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1B	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<b>Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)</b>		
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 ea daily); PA
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 ea daily); PA
<b>Stimulants - Misc.</b>		
<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG</i>	1B	AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate PTCH</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
RELEXXII TBCR 36 MG, 54 MG	2	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
RELEXXII TBCR 27 MG	2	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<b>ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC</b>		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>AMEBICIDES</b>		
Amebicides		
SOLOSEC	3	PA
<b>AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	
ARIKAYCE	4	PA
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1B	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ml per 56 days retail; 280 ml per 56 days mail); PA
<b>ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions</b>		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ	4	QL(1 ea daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ml daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 ea daily); SP; PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 ea daily); PA
Antirheumatic Antimetabolites		
METHOTREXATE	4	QL(1.714 ea daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies			HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 ea daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN PNKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	HUMIRA PSKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	Gold Compounds		
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 ea daily); PA	RIDAURA	3	QL(3 ea daily)
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML	4	QL(0.072 ea daily); PA	Interleukin-1 Blockers		
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	ARCALYST	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.172 ml daily); PA	Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
HADLIMA SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ml daily); PA
HADLIMA SOSY	4	QL(0.172 ml daily); PA	KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ml daily); PA
Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)					
HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 ea daily)
HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B	
HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B	
			<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B	
			<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B	
			<i>etodolac CAPS</i>	1B	
			<i>etodolac TABS</i>	1B	
			<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); ST
			<i>flurbiprofen TABS</i>	1B	
			<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML</i>	1B	RX/OTC
			<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A	
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CPCR</i>	1B	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG, 75 MG</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(0.667 ea daily)
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B	
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	Must try ibuprofen. ; QL(5 ea daily); ST
<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>nabumetone</i>	1B	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B	
<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA
<i>naproxen TABS</i>	1B	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>oxaprozin TABS</i>	1B	
<i>piroxicam CAPS</i>	1B	
<i>sulindac TABS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B	
<b>Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors</b>		
<i>OTEZLA TABS</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>OTEZLA TBPk</i>	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); PA
<b>Pyrimidine Synthesis Inhibitors</b>		
<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents</b>		
<i>ENBREL MINI SOCT</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ENBREL SURECLICK SOAJ</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
<i>ENBREL SOLN</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
<i>ENBREL SOLR</i>	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
<i>ENBREL SOSY 50 MG/ML</i>	4	QL(0.286 ml daily); SP; PA
<i>ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
<b>ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions</b>		
<b>Analgesic Combinations</b>		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<b>Salicylates</b>		
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A	
<i>diflunisal TABS</i>	1B	
<i>salsalate</i>	1B	
<b>ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions</b>		
<b>Opioid Agonists</b>		

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	METHADONE HCL SOLN IJ	1B	
CODEINE SULFATE TABS	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(10 ea daily)
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 ea daily)	<i>methadone hcl TBSO</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate CP24 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B		<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)	<i>morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ml daily)
<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	<i>morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ml daily)
<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>morphine sulfate TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B		NUCYNTA ER TB12	2	QL(2 ea daily); PA
<i>meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ml per fill retail)	NUCYNTA TABS	2	QL(6 ea daily); PA
<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>methadone hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)	<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ml daily)	<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 ea daily); PA
<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B		<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ml daily)	<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
			SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	3	QL(4 ea daily); PA

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	3	QL(8 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ml daily)
SUBSYS LIQD 100 MCG	3	QL(3 ea daily); PA		1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)			
<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
XTAMPZA ER	2	QL(2 ea daily); PA			
Opioid Combinations			<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>		
<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ml daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 ea daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1B	PA
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)	<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)	<i>tramadol-acetaminophen</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA	Opioid Partial Agonists		
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1B	
			<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	1B	QL(3 ea daily)
			<i>buprenorphine PTWK</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ml daily); PA
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B	
<i>nalbuphine hcl</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<b>ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones</b>		
Anabolic Steroids		
<i>oxandrolone</i>	1B	
Androgens		
ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	2	QL(1 ea daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1B	
METHITEST TABS	3	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B	
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1B	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	
<b>ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching</b>		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 gm daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B	
UCERIS ( <i>budesonide (intrarectal)</i> )	4	QL(3.2 gm daily); PA
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B	
Vasodilating Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1B	QL(2 gm daily)
RECTIV ( <i>nitroglycerin (intra-anal)</i> )	3	QL(2 gm daily)
<b>ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections</b>		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1B	PA
EMVERM CHEW	2	1 rtl MAX fill; 60 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 ea daily; 6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
<i>ivermectin</i>	1B	1 rtl MAX fill; 75 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(9 ea per fill retail; 9 per fill mail)
<i>praziquantel</i>	1B	PA
<b>ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain</b>		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1B	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPCR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1B	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>ANTI-ANXIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety</b>		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>buspirone hcl 5 MG</i>	1A	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B	
<i>meprobamate</i>	1B	QL(6 ea daily)
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1B	
<i>alprazolam TBDP</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1B	
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1B	
<b>ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms</b>		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1B	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1B	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B	
<i>dofetilide</i>	1B	
<b>ANTI-ASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions</b>		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA
FASENRA SOSY	4	QL(0.036 ml daily); PA
NUCALA SOAJ	4	QL(0.1073 ml daily); PA
NUCALA SOLR	4	QL(0.1073 ea daily); PA
NUCALA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.1073 ml daily); PA
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.0144 ml daily); PA
XOLAIR SOLR	4	QL(0.286 ea daily); PA
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
XOLAIR SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.286 ml daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	QL(8 ml daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 gm daily)
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 ea daily)

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	QL(15 ml daily)
SPIRIVA HANDIHALER CAPS ( <i>tiotropium bromide monohydrate</i> )	2	QL(1 ea daily)
SPIRIVA RESPIMAT AERS	2	QL(0.14 gm daily)
<i>tiotropium bromide monohydrate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Leukotriene Modulators		
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>zafirlukast</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>zileuton TB12</i>	1B	QL(4 ea daily)
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>roflumilast</i>	3	QL(1 ea daily)
Steroid Inhalants		
ALVESCO	3	PA
ARNUITY ELLIPTA	2	
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	QL(4 ml daily); PA
<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1B	
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1B	QL(0.8 gm daily)
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	
QVAR REDIHALER	2	
Sympathomimetics		
AIRDUO DIGIHALER 113/14	3	
AIRDUO DIGIHALER 232/14	3	
AIRDUO DIGIHALER 55/14	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AIRSUPRA	3	
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B	
<i>albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.5 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML, 2.5 MG/0.5ML</i>	1B	
<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1B	
<i>albuterol sulfate TABS</i>	1B	
ANORO ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
<i>arformoterol tartrate</i>	1B	QL(4 ml daily)
BREO ELLIPTA	2	
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 gm daily)
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B	
DULERA	2	
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B	
<i>fluticasone-salmeterol AEPB</i>	1B	
<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1B	
<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1B	QL(18 ml daily)
<i>levalbuterol hcl</i>	1B	
<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	QL(0.5 gm daily)
PROAIR DIGIHALER	3	
PROAIR RESPICLIK AEPB	3	
SEREVENT DISKUS	2	
STIOLTO RESPIMAT	2	
STRIVERDI RESPIMAT	2	
<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1B	
<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1B	
TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
Xanthines		
<i>aminophylline SOLN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>theophylline ELIX</i>	1B	
<i>theophylline SOLN</i>	1B	QL(56 ml daily)
<i>theophylline TB12</i>	1B	
<i>theophylline TB24</i>	1B	
<b>ANTICOAGULANTS - Blood Thinners</b>		
Coumarin Anticoagulants		
<i>warfarin sodium TABS</i>	1B	
Direct Factor Xa Inhibitors		
ELIQUIS STARTER PACK TBPK	2	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(2.47 ea daily)
ELIQUIS TABS	2	QL(2 ea daily)
XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
XARELTO SUSR	2	QL(900 ml per 30 days retail; 900 ml per 30 days mail)
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 ea daily)
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 ea daily)
Heparins And Heparinoid-Like Agents		
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ml daily); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ml per 180 days retail; 4 ml per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ml per 180 days retail; 4 ml per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ml per 180 days retail; 5 ml per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ml per 180 days retail; 7 ml per 180 days mail); SP
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B	
HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B	
Thrombin Inhibitors		
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS 75 MG, 150 MG</i>	1B	
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS 110 MG</i>	1B	
<b>ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures</b>		
AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
FYCOMPA TABS 6 MG	3	QL(2 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	3	QL(1 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 2 MG	3	QL(6 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 4 MG	3	QL(3 ea daily); PA
Anticonvulsants - Benzodiazepines		
<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ml daily); PA
<i>clobazam TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>clonazepam TABS</i>	1A		<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 5 rtl pack lmt per fill; 30 mail pack lmt amt	DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA
NAYZILAM	3	QL(10 ea per 30 days retail); PA	DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA	DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA	DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA	EPIDIOLEX	3	PA
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA	<i>gabapentin CAPS</i>	1B	
Anticonvulsants - Misc.			<i>gabapentin SOLN</i>	1B	QL(60 ml daily)
APTIOM	3	QL(2 ea daily); ST	<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1B	
BANZEL TABS 200 MG ( <i>rufinamide</i> )	2	QL(2 ea daily); PA	<i>lacosamide SOLN OR 10 MG/ML</i>	1B	QL(40 ml daily)
BANZEL TABS 400 MG ( <i>rufinamide</i> )	2	QL(8 ea daily); PA	<i>lacosamide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	3	QL(20 ml daily); PA	<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1B	QL(20 ea daily)
BRIVIACT TABS	3	QL(2 ea daily); PA	<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1B	QL(100 ea daily)
<i>carbamazepine CHEW</i>	1B		<i>lamotrigine TABS</i>	1B	
<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1B		<i>lamotrigine TBDP</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine SUSP</i>	1B		<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>carbamazepine TABS</i>	1B		<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>levetiracetam TB24</i>	1B	QL(4 ea daily)
			<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
			<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
			<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
			<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
			<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pregabalin SOLN</i>	3	QL(30 ml daily); PA	<i>fosphenytoin sodium</i>	1B	
<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1B		<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>rufinamide SUSP</i>	1B	QL(80 ml daily); PA	<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1B	
<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>phenytoin CHEW</i>	1B	
<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1B	QL(8 ea daily); PA	<i>phenytoin SUSP</i>	1B	
TEGRETOL SUSP ( <i>carbamazepine</i> )	2		<b>Succinimides</b>		
TEGRETOL TABS ( <i>carbamazepine</i> )	2		CELONTIN ( <i>methsuximide</i> )	3	QL(4 ea daily)
<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>ethosuximide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)	<i>ethosuximide SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>topiramate CS24</i>	3	PA	<i>methsuximide</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	ZARONTIN CAPS ( <i>ethosuximide</i> )	2	QL(6 ea daily)
<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<b>Valproic Acid</b>		
<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>divalproex sodium TB24</i>	1B	
<i>zonisamide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>divalproex sodium TBEC</i>	1B	
<b>Carbamates</b>			<i>valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML</i>	1B	
<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)	<i>valproic acid CAPS</i>	1B	
<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<b>ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression</b>		
<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)	<b>Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)</b>		
<b>GABA Modulators</b>			<i>mirtazapine TABS 15 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>tiagabine hcl</i>	1B		<i>mirtazapine TABS 30 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA	<i>mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA	<i>mirtazapine TBDP 15 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<b>Hydantoins</b>			<i>mirtazapine TBDP 30 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)
DILANTIN	2		<i>mirtazapine TBDP 45 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
DILANTIN ( <i>phenytoin sodium extended</i> )	2		<b>Antidepressants - Misc.</b>		
DILANTIN INFATABS CHEW ( <i>phenytoin</i> )	2		<i>bupropion hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
DILANTIN-125 SUSP ( <i>phenytoin</i> )	2		<i>bupropion hcl TB12 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
			<i>bupropion hcl TB12 150 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>bupropion hcl TB12 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>bupropion hcl TB24 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>bupropion hcl TB24 150 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>fluoxetine hcl TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<b>Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)</b>			<i>fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
EMSAM	3	QL(1 ea daily)	<i>fluvoxamine maleate TABS 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
MARPLAN	2	QL(6 ea daily)	<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>phenelzine sulfate</i>	1B		<i>paroxetine hcl TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>tranylcypromine sulfate</i>	1B		<i>paroxetine hcl TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists</b>			<i>paroxetine hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
SPRAVATO 56MG DOSE	4	PA	<i>paroxetine hcl TABS 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
SPRAVATO 84MG DOSE	4	PA	<i>paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<b>Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)</b>			<i>paroxetine hcl TB24 12.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>sertraline hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>sertraline hcl TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<b>Serotonin Modulators</b>		
<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>nefazodone hcl</i>	1B	
<i>escitalopram oxalate TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>trazodone hcl TABS</i>	1B	
<i>escitalopram oxalate TABS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	TRINTELLIX	3	QL(1 ea daily); PA
<i>escitalopram oxalate TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s)
<i>fluoxetine hcl CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CAPS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<b>Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)</b>		
<i>fluoxetine hcl CAPS 10 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)			
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1B				

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>desvenlafaxine succinate</i> 25 MG, 50 MG	1B	QL(1 ea daily)	<i>acarbose</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>desvenlafaxine succinate</i> 100 MG	1B	QL(4 ea daily)	<i>miglitol</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>duloxetine hcl CPEP</i> 20 MG, 30 MG, 60 MG	1B	QL(2 ea daily)	Antidiabetic Combinations		
<i>duloxetine hcl CPEP</i> 40 MG	1B		<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
FETZIMA TITRATION PACK C4PK	3	PA	<i>alogliptin-pioglitazone</i> 15 MG-12.5 MG, 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG	1B	QL(2 ea daily); PA
FETZIMA CP24	3	QL(1 ea daily); PA	<i>alogliptin-pioglitazone</i> 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>venlafaxine hcl CP24</i> 37.5 MG	1B	QL(4 ea daily)	<i>glipizide-metformin hcl</i> 500 MG-5 MG	1B	QL(4 ea daily)
<i>venlafaxine hcl CP24</i> 75 MG	1B	QL(5 ea daily)	<i>glipizide-metformin hcl</i> 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG	1B	QL(2 ea daily)
<i>venlafaxine hcl CP24</i> 150 MG	1B	QL(2 ea daily)	<i>glyburide-metformin</i> 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG	1B	QL(4 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>glyburide-metformin</i> 250 MG-1.25 MG	1B	QL(2 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TB24</i> 150 MG	1B	QL(2 ea daily)	GLYXAMBI	2	QL(1 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TB24</i> 37.5 MG, 75 MG, 225 MG	1B	QL(1 ea daily)	JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 ea daily)
Tricyclic Agents			JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 ea daily)
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1B		JANUMET TABS	2	QL(2 ea daily)
<i>amoxapine</i>	1B		<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>clomipramine hcl</i>	1B		<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>desipramine hcl TABS</i>	1B		<i>saxagliptin-metformin hcl</i> 1000 MG-2.5 MG	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxepin hcl CAPS</i>	1B		<i>saxagliptin-metformin hcl</i> 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG	1B	QL(1 ea daily)
<i>doxepin hcl CONC</i>	1B		SOLQUA 100/33	2	QL(0.5 ml daily); PA
<i>imipramine hcl TABS</i>	1B		SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>imipramine pamoate</i>	1B				
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B				
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B				
<i>protriptyline hcl</i>	1B				
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B				
<b>ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar</b>					
Alpha-Glucosidase Inhibitors					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
SYNJARDY TABS	2	QL(2 ea daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 ea daily)
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
XULTOPHY 100/3.6	2	QL(0.5 ml daily); PA
<b>Biguanides</b>		
<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1B	QL(2.5 ea daily)
<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 ea daily)
<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<b>Diabetic Other</b>		
<i>diazoxide</i>	3	
<i>glucagon (rdna)</i>	1B	QL(0.035 ea daily)
<b>Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors</b>		
<i>alogliptin benzoate</i>	1B	QL(1 ea daily)
JANUVIA	2	QL(1 ea daily)
<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Incretin Mimetic Agents</b>		
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	2	QL(0.054 ml daily); PA
OZEMPIC SOPN	2	QL(0.108 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
RYBELSUS TABS	2	QL(1 ea daily); PA
TRULICITY	2	QL(0.143 ml daily); PA
VICTOZA	2	QL(0.3 ml daily); PA
<b>Insulin</b>		
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
APIDRA SOLN	3	PA
BASAGLAR KWIKPEN SOPN	2	
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ml daily)
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ml daily)
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1B	
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1B	
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	1B	
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	1B	
INSULIN ASPART SOLN IJ	1B	
INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	2	
INSULIN DEGLUDEC SOLN	2	
LEVEMIR FLEXPEN SOPN	3	PA
LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	3	PA
LEVEMIR SOLN	3	PA
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NOVOLIN N SUSP	2	
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
NOVOLIN R SOLN IJ	2	
Insulin Sensitizing Agents		
<i>pioglitazone hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
Meglitinide Analogues		
<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
FARXIGA	2	QL(1 ea daily)
JARDIANCE	2	QL(1 ea daily)
Sulfonylureas		
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glimepiride 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glipizide TB24</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glyburide TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<b>ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea</b>		
Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1B	RX/OTC
MOTOFEN	3	
<b>ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS</b>		
Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
<i>deferiprone TABS 500 MG</i>	1B	
Antidotes and Specific Antagonists		
VISTOGARD	4	PA
Opioid Antagonists		
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1B	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; QL(2 ea per fill retail); RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1B	
<i>naltrexone hcl</i>	1B	
<b>ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting</b>		
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 ea daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B	
<i>ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ml daily)
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 ea daily; 60 ea per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 ea daily; 45 ea per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B	
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
<b>Antiemetics - Anticholinergic</b>		
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC
<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B	
<b>Antiemetics - Miscellaneous</b>		
AKYNZEO	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	3 rti MAX fill; 365 rti day(s) supply; 3 mail MAX fill; QL(4 ea daily); PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1B	
<b>Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists</b>		
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 ea daily)
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 ea daily)
<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA
<i>aprepitant MISC</i>	1B	PA
VARUBI TBPK	3	PA
<b>ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections</b>		
<b>Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors</b>		
<i>caspofungin acetate</i>	1B	
ERAXIS	3	
<i>micafungin sodium</i>	1B	PA
<b>Antifungals</b>		
ABELCET	3	
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>amphotericin b liposome</i>	3	
<i>flucytosine</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B	
<i>nystatin TABS</i>	1B	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Imidazole-Related Antifungals</b>		
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA
<i>fluconazole SUSP</i>	1B	
<i>fluconazole TABS</i>	1B	
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily); PA
<i>ketoconazole</i>	1B	
NOXAFIL SUSP ( <i>posaconazole</i> )	3	QL(20 ml daily)
<i>posaconazole SUSP</i>	1B	QL(20 ml daily)
TOLSURA CAPS	4	PA
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<b>ANTIHIISTAMINES - Drugs to Treat Allergies</b>		
<b>Antihistamines - Alkylamines</b>		
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1B	
<b>Antihistamines - Ethanolamines</b>		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B	
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B	
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A	
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B		<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	QL(4 ea daily)
<b>Antihistamines - Non-Sedating</b>			<b>Bile Acid Sequestrants</b>		
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)	<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 gm daily)
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC	<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 gm daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC	<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>loratadine CAPS</i>	1B		<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 ea daily)
<i>loratadine CHEW</i>	1B		<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>loratadine SOLN</i>	1B		<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>loratadine TABS</i>	1A		<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 ea daily)
<i>loratadine TBDP</i>	1B		<b>Fibric Acid Derivatives</b>		
QUZYTIR SOLN IV	3	PA	<i>choline fenofibrate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Antihistamines - Phenothiazines</b>			<i>fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>promethazine hcl SOLN 6.25 MG/5ML</i>	1B		<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B		<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<b>HMG CoA Reductase Inhibitors</b>		
<i>promethazine hcl SYRP</i>	1B		<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>promethazine hcl TABS</i>	1B		<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Antihistamines - Piperidines</b>			<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1B		<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 ea daily); PV
<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1B		<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 ea daily); PV
<b>ANTHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol</b>					
<b>Antihyperlipidemics - Combinations</b>					
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>pravastatin sodium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Antihyperlipidemics - Misc.</b>					

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe</i>	1B	QL(1 ea daily)
Nicotinic Acid Derivatives		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ml daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ml daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ml daily); PA
<b>ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure</b>		
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl</i>	1B	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>captopril 12.5 MG</i>	1B	
<i>enalapril maleate TABS</i>	1B	
<i>fosinopril sodium</i>	1B	
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>ramipril CAPS</i>	1B	
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
Agents for Pheochromocytoma		
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA
Angiotensin II Receptor Antagonists		
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 ea daily)
EDARBI	3	QL(1 ea daily); ST
<i>irbesartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>losartan potassium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>valsartan TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antiadrenergic Antihypertensives		
<i>clonidine</i>	3	QL(0.15 ea daily)
<i>clonidine hcl TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>doxazosin mesylate</i>	1B	
<i>guanfacine hcl</i>	1B	
<i>methyl dopa TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>terazosin hcl</i>	1B	
Antihypertensive Combinations		
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B	
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3	
<i>atenolol &amp; chlorthalidone</i>	1B	
<i>benazepril &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>benazepril &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>bisoprolol &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>enalapril maleate &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>enalapril maleate &amp; hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B	
<i>fosinopril sodium &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>lisinopril &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>losartan potassium &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>losartan potassium &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>metoprolol &amp; hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B	
<i>metoprolol &amp; hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antihypertensives - Misc.		
VECAMYL	3	PA
Direct Renin Inhibitors		
<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>eplerenone</i>	1B	
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>hydralazine hcl TABS</i>	1B	
<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1B	
<b>ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Anti-infective Agents - Misc.		
<i>bacitracin</i>	3	
IMPAVIDO	3	QL(3 ea daily); PA
<i>metronidazole TABS</i>	1B	
<i>trimethoprim TABS</i>	1B	
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 ea daily); 9 ea per 3 days retail; 9 ea per 3 days mail; AL(At least 12 yrs old); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Anti-infective Misc. - Combinations</b>		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1A	
<b>Antiprotozoal Agents</b>		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1B	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1B	PA
<b>Carbapenems</b>		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1B	
<i>meropenem</i>	1B	
<b>Chloramphenicols</b>		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
<b>Cyclic Lipopeptides</b>		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	
<b>Glycopeptides</b>		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily; 40 ea per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
<i>vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ml per fill retail)
<b>Leprostatics</b>		
<i>dapsone</i>	1B	
<b>Lincosamides</b>		
<i>clindamycin hcl</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
<b>Monobactams</b>		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1B	
CAYSTON	4	QL(3 ml daily); PA
<b>Oxazolidinones</b>		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
SIVEXTRO TABS	3	PA
<b>Polymyxins</b>		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1B	
<b>Urinary Anti-infectives</b>		
<i>fosfomicin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate</i>	1B	
<i>nitrofurantoin</i>	1B	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B	
<b>ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)</b>		
<b>Antimalarial Combinations</b>		
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(24 ea per fill retail; 24 per fill mail)
<b>Antimalarials</b>		
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B	
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 ea per 30 days retail)
<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(5 ea daily)
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 ea daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA
<b>ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS</b>		
Antimyasthenic/Cholinergic Agents		
FIRDAPSE	4	PA
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN OR</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B	
<b>ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)</b>		
Antimycobacterial Agents		
CAPASTAT SULFATE	3	
<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B	
<i>isoniazid SOLN</i>	1B	
<i>isoniazid SYRP</i>	1B	
<i>isoniazid TABS</i>	1B	
PASER PACK	3	QL(3 ea daily)
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1B	
<i>rifabutin</i>	1B	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B	
<i>rifampin SOLR</i>	1B	
SIRTURO	3	PA
TRECTOR	3	QL(4 ea daily)
<b>ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer</b>		
Alkylating Agents		
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	4	SP; PA
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA
<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	4	PA
GLEOSTINE 10 MG	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA
LEUKERAN	4	SP; PA
<i>melphalan</i>	1B	
<i>melphalan hcl</i>	1B	
MYLERAN TABS	4	SP; PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA
TEMODAR SOLR	4	
<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA
ZANOSAR	4	SP; PA
<b>Antimetabolites</b>		
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA
<i>capecitabine</i>	4	SP; PA
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA
<i>cytarabine SOLN</i>	4	SP; PA
<i>decitabine</i>	4	SP; PA
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA
<i>mercaptopurine TABS</i>	1B	
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B	
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP
<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP
<i>nelarabine</i>	4	SP; PA
<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA
<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
TABLOID	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA
<b>Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors</b>		
INLYTA	4	QL(2 ea daily); SP; PA
LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
LENVIMA 12MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
MVASI	4	PA
ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA
ZIRABEV	4	PA
<b>Antineoplastic - Antibodies</b>		
ADCETRIS	4	SP; PA
ARZERRA	4	SP; PA
RUXIENCE	4	PA
TRUXIMA	4	PA
YERVOY	4	SP; PA
<b>Antineoplastic - Anti-HER2 Agents</b>		
KANJINTI	4	PA
OGIVRI	4	PA
PERJETA	4	SP; PA
TRAZIMERA	4	PA
TUKYSA	4	PA
<b>Antineoplastic - EGFR Inhibitors</b>		
ERBITUX	4	SP; PA

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ml daily); SP; PA
<i>gefitinib</i>	4	QL(2 ea daily); PA	<i>letrozole</i>	1B	
GILOTRIF	4	QL(1 ea daily); PA	<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
IRESSA ( <i>gefitinib</i> )	4	QL(2 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0358 ea daily); SP; PA
TAGRISSE 40 MG	4	QL(2 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA
TAGRISSE 80 MG	4	QL(1 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 ea daily); SP; PA
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
VIZIMPRO	4	QL(1 ea daily); PA	LYSODREN	4	SP; PA
Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors			<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B	
DAURISMO	4	PA	<i>megestrol acetate TABS</i>	1B	
ERIVEDGE	4	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 ea daily)
ODOMZO	4	QL(1 ea daily); PA	NUBEQA	4	QL(4 ea daily); PA
Antineoplastic - Hormonal and Related Agents			<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	<i>toremifene citrate</i>	1B	
<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA	TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA
<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 ea daily)	XTANDI CAPS	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>bicalutamide</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 ea daily); PA
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA	XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 ea daily); PA
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA	YONSA	4	QL(4 ea daily); PA
EMCYT	4	SP; PA	ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
ERLEADA 60 MG	4	QL(4 ea daily); PA	ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 ea daily); SP; PA
ERLEADA 240 MG	4	QL(1 ea daily); PA	Antineoplastic - Immunomodulators		
<i>exemestane</i>	4	QL(1 ea daily); SP	POMALYST	4	QL(1 ea daily); PA
FIRMAGON	4	QL(0.143 ea daily); SP; PA	Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors		
<i>flutamide</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA	AYVAKIT	4	QL(1 ea daily); PA
			Antineoplastic - XPO1 Inhibitors		
			XPOVIO	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY	4	PA	BOSULIF TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); PA
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY	4	PA	BRAFTOVI 75 MG	4	SP; PA
<b>Antineoplastic Antibiotics</b>			BRUKINSA	4	PA
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA	CABOMETYX TABS	4	QL(1 ea daily); PA
<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA	CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>doxorubicin hcl liposomal</i>	4	SP; PA	CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA	CAPRELSA	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA	COMETRIQ KIT	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA	COMETRIQ KIT	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	COMETRIQ KIT	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA	COPIKTRA	4	PA
<i>mitoxantrone hcl 2 MG/ML</i>	4	SP; PA	<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA	IBRANCE CAPS	4	QL(1 ea daily); PA
<b>Antineoplastic Combinations</b>			IBRANCE TABS	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 200 DOSE	4	QL(2 ea daily); PA	ICLUSIG	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 400 DOSE	4	QL(2.5 ea daily); PA	<i>imatinib mesylate</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
KISQALI FEMARA 600 DOSE	4	QL(3.25 ea daily); PA	IMBRUVICA CAPS 140 MG	4	QL(3 ea daily); PA
<b>Antineoplastic Enzyme Inhibitors</b>			IMBRUVICA CAPS 70 MG	4	QL(1 ea daily); PA
ALECENSA	4	QL(4 ea daily); PA	IMBRUVICA SUSP	4	QL(8 ml daily); PA
ALUNBRIG TABS	4	QL(1 ea daily); PA	IMBRUVICA TABS	4	QL(1 ea daily); PA
ALUNBRIG TBPK	4	QL(1 ea daily); PA	INREBIC	4	PA
BALVERSA	4	PA	JAKAFI	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA	KISQALI	4	QL(2.5 ea daily); PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA	KISQALI	4	QL(2 ea daily); PA
BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA	KOSELUGO	4	PA
			KYPROLIS	4	PA

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
LORBRENA	4	QL(1 ea daily); PA
LYNPARZA TABS	4	QL(4 ea daily); PA
MEKINIST SOLR	4	PA
MEKINIST TABS 2 MG	4	QL(1 ea daily); PA
MEKINIST TABS 0.5 MG	4	QL(3 ea daily); PA
MEKTOVI	4	SP; PA
NINLARO	4	QL(0.143 ea daily); PA
<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
PEMAZYRE	4	QL(1 ea daily); PA
PIQRAY 200MG DAILY DOSE	4	PA
PIQRAY 250MG DAILY DOSE	4	PA
PIQRAY 300MG DAILY DOSE	4	PA
QINLOCK	4	PA
RETEVMO	4	PA
<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA
ROZLYTREK CAPS	4	PA
RUBRACA	4	QL(4 ea daily); PA
<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
SPRYCEL	4	QL(1 ea daily); SP; PA
STIVARGA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
TABRECTA	4	PA
TAFINLAR CAPS	4	QL(4 ea daily); PA
TAFINLAR TBSO	4	PA
TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	4	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TASIGNA 50 MG	4	QL(4 ea daily); PA
TASIGNA 150 MG, 200 MG	4	QL(4 ea daily); SP; PA
TAZVERIK	4	PA
<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ml daily); SP; PA
TIBSOVO	4	PA
TURALIO	4	PA
VERZENIO	4	QL(2 ea daily); PA
VITRAKVI CAPS	4	PA
VITRAKVI SOLN	4	PA
VOTRIENT ( <i>pazopanib hcl</i> )	4	QL(4 ea daily); SP; PA
XALKORI CAPS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
XOSPATA	4	PA
ZEJULA CAPS	4	QL(3 ea daily); PA
ZEJULA TABS 100 MG	4	QL(3 ea daily); PA
ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG	4	QL(1 ea daily); PA
ZELBORAF	4	SP; PA
ZOLINZA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
ZYDELIG	4	QL(2 ea daily); PA
Antineoplastic Enzymes		
ONCASPAR	4	SP; PA
Antineoplastics Misc.		
ACTIMMUNE	4	SP; PA
<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>bexarotene</i>	4	SP; PA
<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA
<i>hydroxyurea</i>	1B	
INTRON A SOLR 18000000 UNIT	4	SP
MATULANE	4	SP; PA

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NIPENT	4	SP; PA
PHOTOFRIN	4	SP; PA
PROLEUKIN	4	SP; PA
SYNRIBO	4	SP; PA
<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B	
UVADEX	4	SP; PA
Chemotherapy Adjuncts		
KEPIVANCE 6.25 MG	4	SP; PA
Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B	
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B	
VORAXAZE	4	SP; PA
Mitotic Inhibitors		
<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	4	SP; PA
ETOPOPHOS	4	SP; PA
<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	PA
HALAVEN	4	SP; PA
IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
JEVTANA	4	SP; PA
<i>paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA
<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA
<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA
Topoisomerase I Inhibitors		
HYCANTIN CAPS	4	SP; PA
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>topotecan hcl SOLN</i>	4	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	
<b>ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease</b>		
Antiparkinson Adjunctive Therapy		
<i>carbidopa</i>	1B	
Antiparkinson Anticholinergics		
<i>benztropine mesylate SOLN</i>	1B	
<i>benztropine mesylate TABS</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1B	
Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>entacapone</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>tolcapone</i>	1B	
Antiparkinson Dopaminergics		
<i>amantadine hcl CAPS</i>	1B	
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1B	
<i>amantadine hcl TABS</i>	1B	
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA
<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1B	
<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1B	
NEUPRO	2	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); ST
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<b>Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors</b>		
<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1B	
<i>selegiline hcl TABS</i>	1B	
<b>ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders</b>		
<b>Antimanic Agents</b>		
<i>lithium</i>	1B	
LITHIUM	1B	
<i>lithium carbonate CAPS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TABS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TBCR</i>	1B	
<b>Antipsychotics - Misc.</b>		
EQUETRO 300 MG	3	QL(4 ea daily); ST
EQUETRO 100 MG	3	QL(2 ea daily); ST
EQUETRO 200 MG	3	QL(8 ea daily); ST
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<b>Benzisoxazoles</b>		
FANAPT	2	QL(2 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FANAPT TITRATION PACK	2	PA
<i>paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>paliperidone 6 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 ea daily); PA
RISPERDAL CONSTA ( <i>risperidone microspheres</i> )	2	QL(0.072 ea daily); PA
<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 ea daily); PA
<i>risperidone SOLN</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>risperidone TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>risperidone TBDP</i>	1B	QL(4 ea daily)
<b>Butyrophenones</b>		
<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ml daily)
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B	
<i>haloperidol TABS</i>	1B	
<b>Dibenzapines</b>		
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>clozapine TABS</i>	1B	
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>loxapine succinate</i>	1B	
<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 ea daily)
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); AL(At least 10 yrs old)	APTIVUS CAPS	3	QL(4 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 10 yrs old)	<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	BIKTARVY	3	QL(1 ea daily)
<b>Phenothiazines</b>			CIMDUO	3	QL(1 ea daily); ST
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3		COMPLERA	3	QL(1 ea daily)
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B		<i>darunavir TABS</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B		DELSTRIGO	3	QL(1 ea daily)
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B		DOVATO	3	QL(1 ea daily)
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B		EDURANT	3	QL(1 ea daily)
<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1B		<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>perphenazine TABS</i>	1B		<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>prochlorperazine</i>	1B		<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B		<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>thioridazine hcl</i>	1B		<i>efavirenz TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B		<i>emtricitabine CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Quinolinone Derivatives</b>			<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>aripiprazole SOLN OR</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ml daily)
REXULTI	3	PA	<i>etravirine 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<b>Thioxanthenes</b>			<i>etravirine 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>thiothixene</i>	1B		EVOTAZ	3	QL(1 ea daily)
<b>ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections</b>					
<b>Antiretrovirals</b>					
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	QL(32 ml daily)	FUZEON SOLR	4	SP; PA
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	GENVOYA	3	QL(1 ea daily)
			INTELENCE 25 MG	3	QL(8 ea daily)
			ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 ea daily)

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ISENTRESS CHEW	3	QL(6 ea daily)
ISENTRESS TABS	3	QL(2 ea daily)
JULUCA	3	QL(1 ea daily)
<i>lamivudine SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lamivudine-zidovudine</i>	1B	QL(2 ea daily)
LEXIVA SUSP	3	QL(56 ml daily)
<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1B	QL(12.5 ml daily)
<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>nevirapine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>nevirapine TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>nevirapine TB24 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
NORVIR PACK	3	QL(12 ea daily)
NORVIR SOLN	3	QL(15 ml daily)
ODEFSEY	3	QL(1 ea daily)
PIFELTRO	3	QL(1 ea daily)
PREZCOBIX	3	QL(1 ea daily)
PREZISTA SUSP	3	QL(12 ml daily)
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	3	QL(2 ea daily)
PREZISTA TABS ( <i>darunavir</i> )	3	
RETROVIR IV INFUSION SOLN	3	
<i>ritonavir TABS</i>	1B	QL(12 ea daily)
RUKOBIA	4	PA
SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ml daily)
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	3	QL(2 ea daily)
<i>stavudine CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
STRIBILD	3	QL(1 ea daily)
<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TIVICAY TABS	3	QL(2 ea daily)
TRIUMEQ TABS	3	QL(1 ea daily)
TRIZIVIR	3	QL(2 ea daily)
TYBOST	3	QL(1 ea daily)
VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 ea daily)
VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 ea daily)
VIREAD POWD	3	QL(7.5 gm daily)
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 ea daily)
<i>zidovudine CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>zidovudine SYRP</i>	1B	QL(60 ml daily)
<i>zidovudine TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
CMV Agents		
<i>cidofovir</i>	3	
<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1B	
<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
Hepatitis Agents		
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 ea daily); SP
BARACLUDE SOLN	4	QL(20 ml daily); SP; PA
<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP
EPIVIR HBV SOLN	4	QL(60 ml daily); SP; PA
<i>lamivudine (hcv) TABS</i>	1B	QL(3 ea daily); SP
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1B	QL(7 ea daily)
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1B	QL(7 ea daily)
SOFOSBUVIR/VELPATA SVIR TABS	1B	QL(1 ea daily); PA
SOVALDI TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA
SOVALDI TABS 200 MG	4	QL(1 ea daily); PA

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Herpes Agents</b>		
<i>acyclovir CAPS</i>	1A	QL(5 ea daily; 50 ea per fill retail; 50 per fill mail)
<i>acyclovir SUSP</i>	1B	QL(13.34 ml daily)
<i>acyclovir TABS OR</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>famciclovir 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<b>Influenza Agents</b>		
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; 1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail)
<i>oseltamivir phosphate SUSP</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; 1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; QL(125 ml per fill retail)
RELENZA DISKHALER	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s)
<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<b>BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure</b>		
<b>Alpha-Beta Blockers</b>		
<i>carvedilol</i>	1B	
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<b>Beta Blockers Cardio-Selective</b>		
<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1B	
<i>atenolol TABS</i>	1B	
<i>betaxolol hcl</i>	1B	
<i>bisoprolol fumarate</i>	1B	
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 ea daily)
<b>Beta Blockers Non-Selective</b>		
HEMANGEOL SOLN OR	4	QL(75 ml daily); PA
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B	
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>pindolol TABS</i>	1B	
<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1B	
<i>sotalol hcl (afib/afl)</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>timolol maleate TABS</i>	1B	
<b>CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure</b>		
<b>Calcium Channel Blockers</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B	
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B	
DILTIAZEM HCL SOLR	1B	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B	
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B	
<i>felodipine</i>	1B	
<i>isradipine CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B	
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>nifedipine TB24</i>	1B	
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>nimodipine CAPS</i>	1B	
<i>nisoldipine 8.5 MG, 17 MG, 20 MG, 30 MG, 34 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1B	
<i>verapamil hcl TABS</i>	1B	
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm</b>		
Cardiac Glycosides		
<i>digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML</i>	1B	
<i>digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
LANOXIN SOLN IJ ( <i>digoxin</i> )	2	
LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG ( <i>digoxin</i> )	2	
<b>CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions</b>		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B	
Impotence Agents		
<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 ea daily); PA
STENDRA	3	QL(0.134 ea daily)
<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 ea daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
TYVASO REFILL SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Antagonists</b>		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
OPSUMIT	4	QL(1 ea daily); PA
TRACLEER TBSO	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<b>Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors</b>		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ml daily); SP; PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ml daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<b>Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist</b>		
UPTRAVI TITRATION PACK TBPK	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 ea daily); PA
<b>Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator</b>		
ADEMPAS	4	QL(3 ea daily); PA
<b>Sinus Node Inhibitors</b>		
CORLANOR SOLN	3	QL(15 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CORLANOR TABS	3	QL(2 ea daily); PA
<b>Transthyretin Stabilizers</b>		
VYNDAMAX	4	QL(1 ea daily); PA
VYNDAQEL	4	QL(4 ea daily); PA
<b>CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
<b>Cephalosporins - 1st Generation</b>		
<i>cefadroxil CAPS</i>	1B	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1B	
<i>cefadroxil TABS</i>	1B	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>cephalexin CAPS</i>	1B	
<i>cephalexin SUSR</i>	1B	
<b>Cephalosporins - 2nd Generation</b>		
<i>cefaclor CAPS</i>	1B	
<i>cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML</i>	1B	
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefprozil SUSR</i>	1B	
<i>cefprozil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B	
<b>Cephalosporins - 3rd Generation</b>		
<i>cefdinir CAPS</i>	1B	
<i>cefdinir SUSR</i>	1B	
<i>cefixime CAPS</i>	1B	
<i>cefixime SUSR</i>	1B	ST
<i>cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cefepime proxetil SUSR</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0	
<i>cefepime proxetil TABS</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0	
<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1B		LO LOESTRIN FE TABS	0	
<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG</i>	1B		NATAZIA	0	
<i>ceftriaxone sodium IJ 250 MG</i>	1A		NEXTSTELLIS	0	
Cephalosporins - 4th Generation			<i>norethin acet &amp; estrad-fe CAPS</i>	0	
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1B		<i>norethin acet &amp; estrad-fe CHEW</i>	0	
Cephalosporins - 5th Generation			<i>norethin acet &amp; estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0	
TEFLARO	3		<i>norethindrone &amp; eth estradiol</i>	0	
<b>CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy</b>					
Combination Contraceptives - Oral					
BALCOLTRA ( <i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i> )	0		<i>norethindrone &amp; ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>desogestrel &amp; ethinyl estradiol</i>	0		<i>norethindrone acet &amp; eth estra</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0		<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0		<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>ethynodiol diacet &amp; eth estrad</i>	0		<i>norgestrel &amp; ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0	
<i>levonorgestrel &amp; eth estradiol TABS</i>	0		TYBLUME CHEW	0	
<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0		Combination Contraceptives - Transdermal		
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0		<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0	
			TWIRLA	0	QL(3 ea per 28 days retail; 9 ea per 84 days mail)
			Combination Contraceptives - Vaginal		
			ANNOVERA	0	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 ea daily)	<i>deflazacort TABS</i>	4	PA
Copper Contraceptives - IUD			DEPO-MEDROL SUSP	3	
PARAGARD INTRAUTERINE COPPER CONTRACEPTIVE T380A	0		DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B	
Emergency Contraceptives			<i>dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML</i>	1B	
ELLA	0		<i>dexamethasone ELIX</i>	1B	
<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0		<i>dexamethasone SOLN</i>	1B	
Progestin Contraceptives - Implants			<i>dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A	
NEXPLANON	0		<i>dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	
Progestin Contraceptives - Injectable			EMFLAZA SUSP	4	PA
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0		EMFLAZA TABS ( <i>deflazacort</i> )	4	PA
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	90 rti day(s) supply; 90 rti lmt day(s); QL(1 ml per 90 days retail)	<i>hydrocortisone TABS</i>	1B	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ml per 90 days retail)	MEDROL TABS	3	
Progestin Contraceptives - IUD			<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B	
KYLEENA	0		<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
LILETTA 20.1 MCG/DAY	0		<i>methylprednisolone TABS</i>	1B	
MIRENA	0		<i>methylprednisolone TBPK</i>	1B	
SKYLA	0		<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B	
Progestin Contraceptives - Oral			<i>prednisolone sodium phosphate TBDP</i>	3	
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0		<i>prednisolone SOLN</i>	1B	
OPILL	0		<i>prednisolone TABS</i>	1B	
SLYND	0	QL(1 ea daily)	<i>prednisone SOLN</i>	1B	
<b>CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions</b>			<i>prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A	
Glucocorticosteroids			<i>prednisone TABS 1 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>prednisone TBPK</i>	1B		<i>adapalene CREA</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
SOLU-CORTEF 250 MG	3		<i>adapalene GEL 0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA; RX/OTC
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply	<i>adapalene GEL 0.3 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
SOLU-MEDROL 2 GM	3		AZELEX	3	QL(50 gm per 30 days retail; 50 gm per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML</i>	1B		BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
Mineralocorticoids			<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1B		<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<b>COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms</b>			<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old)
Antitussives			<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzonatate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzonatate 150 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzonatate 100 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1B	QL(8 gm daily)
Cough/Cold/Allergy Combinations			<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1B		<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); AL(At least 12 yrs old)
TUZISTRA XR	2	PA	<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
Misc. Respiratory Inhalants			<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
HYPERSAL NEBU	1B		<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
NEBUSAL NEBU	1B				
<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1B				
Mucolytics					
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1B				
<b>DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions</b>					
Acne Products					
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<b>Agents for External Genital and Perianal Warts</b>		
VEREGEN	3	QL(1 gm daily)
<b>Antibiotics - Topical</b>		
ALTABAX	2	QL(15 gm per 30 days retail; 15 gm per 30 days mail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B	
<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)
NEO-SYNALAR	3	QL(60 gm per 30 days retail; 60 gm per 30 days mail); PA
<b>Antifungals - Topical</b>		
<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 gm daily); RX/OTC
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; QL(90 gm per fill retail)
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B	
<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 gm daily)
<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ml daily)
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 gm daily); RX/OTC
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 gm daily)
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B	
<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 gm per fill retail; 85 per fill mail)
ERTACZO	3	QL(2.15 gm daily)
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>luliconazole</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(3 gm daily)	<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); PA
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 gm daily)	<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)	<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)	PANRETIN	3	QL(60 gm per 30 days retail; 60 gm per 30 days mail)
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 gm daily)	<b>Antipruritics - Topical</b>		
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)	<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(45 gm per fill retail; 45 per fill mail); PA
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)	<b>Antipsoriatics</b>		
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(3 gm daily)	<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 ml daily)	<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B		<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 gm daily); PA
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill	<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 gm daily); PA
<i>tavaborole</i>	1B	PA	<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); PA
<b>Anti-inflammatory Agents - Topical</b>			<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 gm daily)
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); RX/OTC	COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
<b>Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical</b>			COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA	COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.072 ml daily); PA
			COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ml daily); PA
			<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 ea daily)
			SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ml daily); PA

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SKYRIZI PSKT	4	QL(0.025 ea daily); PA	<i>amcinonide OINT</i>	3	
SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); SP; PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B	
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>tazarotene CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)	<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
TREMFYA SOPN	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)
TREMFYA SOSY	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
Antiseborrheic Products			<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 gm daily)
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B		<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 gm daily)
Antivirals - Topical			<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill; 1 mail pack lmt per fill	<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill; 1 mail pack lmt per fill	<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST
<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 gm daily)	<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST
Burn Products			<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA
<i>mafenide acetate PACK</i>	3		<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 gm daily); PA
<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 gm daily)	<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 gm daily); ST
SULFAMYLON CREA	3		<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily); ST
Corticosteroids - Topical			<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA
<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)			
<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)			
<i>amcinonide CREA</i>	1B	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(60 gm per fill retail; 60 per fill mail)			
<i>amcinonide LOTN</i>	3				

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ml daily); PA	<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 gm daily)	<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(6 ml daily)
CORDRAN TAPE	3	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA
<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ml daily)	<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	HALOG OINT	3	PA
<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B	
<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B		<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ml daily)	<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B	
<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B	
<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily)	<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 gm daily)	<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily)	<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>fluocinonide GEL</i>	1B		<i>prednicarbate OINT</i>	1B	
<i>fluocinonide OINT</i>	1B	QL(2 gm daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 gm daily)
<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 gm daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 gm daily)
<i>flurandrenolide CREA</i>	2				
<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ml daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B	
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide-dimethicone-silicone</i>	1B	PA
<b>Emollients</b>		
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 gm daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC
<b>Enzymes - Topical</b>		
SANTYL OINT	3	PA
<b>Immunomodulating Agents - Topical</b>		
<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
<b>Immunosuppressive Agents - Topical</b>		
<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
<b>Keratolytic/Antimitotic Agents</b>		
<i>podofilox SOLN</i>	1B	
<b>Local Anesthetics - Topical</b>		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SYNERA PTCH	3	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail)
<b>Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical</b>		
EUCRISA	3	QL(2 gm daily); PA
<b>Rosacea Agents</b>		
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 gm daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 gm daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B	
<b>Scabicides &amp; Pediculicides</b>		
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA; RX/OTC
<i>malathion</i>	1B	
<i>permethrin CREA</i>	1B	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B	
<i>spinosad</i>	1B	PA
<b>Wound Care Products</b>		
REGRANEX	3	QL(0.5 gm daily)
<b>DIAGNOSTIC PRODUCTS</b>		
<b>Diagnostic Drugs</b>		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 ea daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; PA



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
<b>Diagnostic Tests</b>			PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	3	Non-FDA approved uses require Prior Authorization			
CHEMSTRIP-K STRP	1B							
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B							
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT	1B							
GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B							
KETONE TEST STRIPS STRP	1B							
KETONE STRP	1B							
KETOSTIX STRP	1B							
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	1B							
PRECISION XTRA	1B							
PTS PANELS KETONE TEST	1B							
RELION KETONE TEST STRIPS STRP	1B		ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2				
RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC						
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC						
TRUE TRACK TEST STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC						
<b>DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure</b>						<b>Carbonic Anhydrase Inhibitors</b>		
						<i>acetazolamide sodium</i>	1B	
						<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)
						<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
						<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
						<i>dichlorphenamide</i>	4	QL(4 ea daily); PA
						<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<b>DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes</b>			<b>Diuretic Combinations</b>					
<b>Digestive Enzymes</b>			<i>amiloride &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B				
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization	<i>spironolactone &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triamterene &amp; hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1B	
<i>triamterene &amp; hydrochlorothiazide TABS</i>	1B	
<b>Loop Diuretics</b>		
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1B	
<i>bumetanide TABS</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>ethacrynic acid</i>	1B	QL(16 ea daily)
<i>furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>furosemide TABS</i>	1B	
<i>torseamide TABS</i>	1B	
<b>Potassium Sparing Diuretics</b>		
<i>amiloride hcl TABS</i>	1B	
<i>spironolactone TABS</i>	1B	
<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<b>Thiazides and Thiazide-Like Diuretics</b>		
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1B	
DIURIL SUSP	2	QL(20 ml daily)
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 ea daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>metolazone</i>	1B	QL(2 ea daily)
<b>ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.</b>		
<b>- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones</b>		
<b>Bone Density Regulators</b>		
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ml daily)
FORTEO SOPN ( <i>teriparatide (recombinant)</i> )	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 ea daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 ea daily)
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA
<i>teriparatide (recombinant) SOPN</i>	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
TERIPARATIDE SOPN	4	QL(0.09 ml daily); PA
TYMLOS	4	PA
XGEVA SOLN	4	SP; PA
<i>zoledronic acid CONC</i>	4	SP; PA
<i>zoledronic acid SOLN</i>	4	SP; PA
<b>Corticotropin</b>		
ACTHAR	3	PA
<b>Fertility Regulators</b>		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	30 rtl day(s) supply; PA
<i>clomiphene citrate TABS</i>	3	PA

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NOVAREL IM 10000 UNIT	4	30 rtl day(s) supply; PA
<b>GnRH/LHRH Antagonists</b>		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORLISSA	2	PA
<b>Growth Hormone Receptor Antagonists</b>		
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	4	SP; PA
<b>Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)</b>		
EGRIFTA 2 MG	4	PA
EGRIFTA SV	4	PA
<b>Growth Hormones</b>		
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
ZORBTIVE SC	4	SP; PA
<b>Hormone Receptor Modulators</b>		
OSPHENA	3	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 ea daily)
<b>Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)</b>		
INCRELEX	4	SP; PA
<b>LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants</b>		
FENSOLVI SC	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA
SYNAREL	4	SP; PA
<b>Metabolic Modifiers</b>		
ALDURAZYME	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>betaine</i>	4	SP; PA
<i>calcitriol CAPS</i>	1B	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
<i>cinacalcet hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	
ELAPRASE	4	SP; PA
GALAFOLD	4	QL(0.5 ea daily); PA
LUMIZYME	4	SP; PA
MYALEPT	4	PA
NAGLAZYME	4	SP; PA
<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
<i>paricalcitol CAPS</i>	1B	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
PHEBURANE PLLT	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA
<b>Posterior Pituitary Hormones</b>		
<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated</i>	1B	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
STIMATE SOLN NA	4	SP; PA
<b>Prolactin Inhibitors</b>		

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cabergoline</i>	1B	
<b>Somatostatic Agents</b>		
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	4	PA
SIGNIFOR	4	PA
<b>Vasopressin Receptor Antagonists</b>		
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<b>ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs</b>		
<b>Estrogen Combinations</b>		
CLIMARA PRO	3	
DUAVEE	3	PA
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1B	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 ea daily)
<b>Estrogens</b>		
DELESTROGEN 10 MG/ML ( <i>estradiol valerate</i> )	1B	
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1B	
<i>estradiol GEL</i>	1B	
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>estradiol TABS</i>	1B	
ESTROGEL GEL	3	
EVAMIST SOLN	3	
MENEST	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS	2	QL(1 ea daily)
<b>FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Infections</b>		
<b>Fluoroquinolones</b>		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML</i>	3	
<i>ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML</i>	1B	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
CIPRO SUSR	2	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
<i>levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML</i>	1B	
<i>levofloxacin SOLN OR</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A	
<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B	
<b>GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs</b>		
<b>Bile Acid Synthesis Disorder Agents</b>		
CHOLBAM	4	SP; PA
<b>Gallstone Solubilizing Agents</b>		
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1B	
<b>Gastrointestinal Chloride Channel Activators</b>		
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 ea daily)
<b>Gastrointestinal Stimulants</b>		
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ml daily)
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 ea daily)
<b>Inflammatory Bowel Agents</b>		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 ea daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1B	
<i>mesalamine CPDR</i>	1B	
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 ea daily)
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ml daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ml daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1B	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B	
<b>Intestinal Acidifiers</b>		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B	
<b>Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents</b>		
<i>alose tron hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
LINZESS	2	QL(1 ea daily)
<b>Peripheral Opioid Receptor Antagonists</b>		
<i>alvimopan</i>	1B	
MOVANTIK	3	QL(1 ea daily); PA
<b>Phosphate Binder Agents</b>		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
PHOSLYRA SOLN	2	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B	
VELPHORO	3	PA
<b>GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System</b>		
<b>Alkalinizers</b>		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR 10 MEQ, 1080 MG</i>	1B	
<i>sodium citrate &amp; citric acid</i>	1B	RX/OTC
<b>Cystinosis Agents</b>		
CYSTAGON CAPS	3	PA
<b>Genitourinary Irrigants</b>		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	
SORBITOL 3 %	1B	
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	1B	
<b>Interstitial Cystitis Agents</b>		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 ea daily)
<b>Prostatic Hypertrophy Agents</b>		
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	3	PA
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tamsulosin hcl</i>	1B	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	
Urinary Stone Agents		
THIOLA EC TBEC 300 MG	3	QL(10 ea daily); PA
THIOLA EC TBEC 100 MG	3	QL(3 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 300 MG</i>	3	QL(10 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 100 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
<b>GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout</b>		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
Gout Agents		
<i>allopurinol</i>	1B	
<i>colchicine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1B	
<b>HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders</b>		
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOLN</i>	4	QL(9 ml daily); PA
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ml daily); PA
Complement Inhibitors		
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 ea daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl</i>	1B	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
BRILINTA	2	QL(2 ea daily)
CABLIVI	4	PA
<i>cilostazol</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dipyridamole</i>	1B	
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
ZONTIVITY	3	PA
<b>HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders</b>		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 ea daily); PA
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
OXBRYTA TABS 500 MG	4	PA
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1B	QL(1 ml daily)
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid TABS</i>	0	
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	4	SP

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
DOPTELET	4	QL(3 ea daily); PA
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
MIRCERA 30 MCG/0.3ML, 50 MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100 MCG/0.3ML, 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.3ML	4	PA
MULPLETA	4	QL(1 ea daily); PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 40000 UNIT/ML	4	SP; PA
RETACRIT	4	PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA
ZIEXTENZO	4	PA
Hematopoietic Mixtures		
<i>ferrous fumarate-folic acid</i>	1B	QL(1 ea daily)
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
Stem Cell Mobilizers		
MOZOBIL ( <i>plerixafor</i> )	4	SP; PA
<i>plerixafor</i>	4	SP; PA
<b>HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders</b>		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1B	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1B	
<b>HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS</b>		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1B	
<i>phenobarbital TABS 15 MG, 16.2 MG, 30 MG, 32.4 MG, 64.8 MG, 97.2 MG, 100 MG</i>	1B	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1B	
<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	1B	PA
<i>temazepam 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>temazepam 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>triazolam</i>	1B	
<i>zaleplon 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1A	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Orexin Receptor Antagonists</b>		
<i>BELSOMRA</i>	3	PA
<b>Selective Melatonin Receptor Agonists</b>		
<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<b>LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs</b>		
<b>Bulk Laxatives</b>		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B	
<b>Laxative Combinations</b>		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1B	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
<b>Laxatives - Miscellaneous</b>		
<i>lactulose SOLN</i>	1B	
<b>Saline Laxatives</b>		
<i>OSMOPREP</i>	3	PA
<b>Stimulant Laxatives</b>		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1A	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1A	
<b>Surfactant Laxatives</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<b>LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing</b>		
<b>Local Anesthetics - Amides</b>		
<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1B	
<b>MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
<b>Azithromycin</b>		
<i>azithromycin PACK</i>	1B	
<i>azithromycin SOLR</i>	1B	
<i>azithromycin SUSR</i>	1B	
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 ea per fill retail; 4 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
<b>Clarithromycin</b>		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1B	
<i>clarithromycin TABS</i>	1B	
<i>clarithromycin TB24</i>	1B	
<b>Erythromycins</b>		
<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
<i>erythromycin base TABS</i>	3	
<i>erythromycin base TBEC</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3	
<b>Fidaxomicin</b>		
<i>DIFICID TABS</i>	2	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES</b>					
Contraceptives					
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
CAYA DPRH	0		KIMONO SPECIAL DEVI	0	QL(2 ea daily)
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)	K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0	QL(2 ea daily)
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0	QL(2 ea daily)
FANTASY LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	MAXX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
FC2 FEMALE CONDOM	0	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)	MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
FEMCAP DEVI	0		OMNIFLEX DIAPHRAGM	0	
KAMELEON LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	PREMIUM CONDOMS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO COLORS DEVI	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	QL(2 ea daily)
KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)
KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)
			TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	PA
TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	SELECT LANCETS	1B	6.66/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	0		SELECT LANCETS	1	6.66/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	0		TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	1B	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	0		<b>Parenteral Therapy Supplies</b>		
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	0		SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	0		SELECT INSULIN SYRINGES	1	5/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	0		<b>MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches</b>		
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	0		Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	0		AIMOVIG	2	QL(0.04 ml daily); PA
<b>Diabetic Supplies</b>			EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ml daily); PA
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA	EMGALITY SOSY 100 MG/ML	2	QL(0.1 ml daily); PA
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	EMGALITY SOSY 120 MG/ML	2	QL(0.07 ml daily); PA
			UBRELVY	3	ST
			<b>Migraine Combinations</b>		

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 ea daily)	<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 ea per 30 days retail; 10 ea per 30 days mail)	<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<b>Migraine Products</b>			<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B		<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.267 ml daily)	<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 ea daily)	<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<b>Serotonin Agonists</b>			<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST	<b>MINERALS &amp; ELECTROLYTES</b>		
<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST	<b>Bicarbonates</b>		
<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>sodium acetate SOLN</i>	1B	
<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	SODIUM ACETATE SOLN ( <i>sodium acetate</i> )	1B	
<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	<b>Calcium</b>		
<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B	
			<b>Electrolyte Mixtures</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dextrose in lactated ringers</i>	1B	
<i>electrolyte-148</i>	1B	
<i>electrolyte-a</i>	1B	
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	1B	
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	1B	
ISOLYTE-S	1B	
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% ( <i>potassium chloride in dextrose &amp; sodium chloride</i> )	1B	
<i>lactated ringer's</i>	1B	
NORMOSOL-M/D5W	1B	
NORMOSOL-R	1B	
PLASMA-LYTE A ( <i>electrolyte-a</i> )	1B	
PLASMA-LYTE-148 ( <i>electrolyte-148</i> )	1B	
<i>potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L</i>	1B	
<i>potassium chloride in dextrose &amp; sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
<i>potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % ( <i>potassium chloride in nacl</i> )	1B	
<i>ringer's</i>	1B	
Fluoride		
<i>sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
Magnesium		
<i>magnesium sulfate IJ 50 %</i>	1B	
Phosphate		
<i>potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML</i>	1B	
Potassium		
<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1B	
<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1B	
<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1B	
<i>potassium chloride CPCR</i>	1B	
<i>potassium chloride PACK OR 20 MEQ</i>	1B	PA
<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1B	
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML ( <i>potassium chloride</i> )	1B	
<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ</i>	1B	
Sodium		
<i>sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %</i>	1B	
<b>MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES</b>		

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Chelating Agents</b>		
<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA
<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 ea daily); SP; PA
<b>Immunomodulators</b>		
<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
THALOMID	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<b>Immunosuppressive Agents</b>		
ATGAM	4	SP; PA
AZATHIOPRINE	1B	
<i>azathioprine TABS</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B	
<i>cyclosporine CAPS</i>	1B	
<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B	
ENSPRYNG	4	PA
<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 ea daily); SP; PA
<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B	
<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B	
<i>mycophenolate sodium</i>	1B	
NULOJIX	4	SP; PA
PROGRAF PACK	2	PA
PROGRAF SOLN	2	
SIMULECT	3	
<i>sirolimus TABS</i>	1B	
<i>tacrolimus CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
<b>Irrigation Solutions</b>		
<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B	
<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B	
<i>ringer's irrigation</i>	1B	
<i>water for irrigation, sterile</i>	1B	
<b>Potassium Removing Agents</b>		
LOKELMA	3	QL(1 ea daily); PA
<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B	
<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP OR 15 GM/60ML</i>	1B	
<b>MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS</b>		
<b>Anesthetics Topical Oral</b>		
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B	
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)
<b>Anti-infectives - Throat</b>		
<i>clotrimazole</i>	1B	
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B	
<b>Antiseptics - Mouth/Throat</b>		
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B	
DEBACTEROL	2	
<b>Dental Products</b>		
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC
<b>Steroids - Mouth/Throat/Dental</b>		
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B	
<b>Throat Products - Misc.</b>		
<i>cevimeline hcl</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B		ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
<b>MULTIVITAMINS</b>			PRENATAL MULTIVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
Ped MV w/ Fluoride			PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1A	RX/OTC	PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
Prenatal Vitamins			PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily)
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	2	QL(1 ea daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMINS TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 ea daily)
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
MASONATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PRENATRIX TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATRYL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PREPLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	QC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	2	QL(1 ea daily)
NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	RA PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
			THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRICARE TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
VITATHELY/GINGER TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
<b>MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms</b>		
Central Muscle Relaxants		
<i>baclofen TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	
<i>carisoprodol TABS</i>	1B	
<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)
<i>metaxalone 800 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1B	
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1B	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
Muscle Relaxant Combinations		
<i>carisoprodol w/ aspirin &amp; codeine</i>	3	PA
<b>NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus</b>		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1B	RX/OTC
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B	
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
<i>flunisolide (nasal) 0.025 %</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ml per 30 days retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 gm daily); PA; RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B	
XHANCE EXHU	3	PA
<b>NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles</b>		
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins		
XEOMIN	3	PA
Nondepolarizing Muscle Relaxants		
<i>atracurium besylate 100 MG/10ML</i>	3	PA
<b>NUTRIENTS</b>		
Proteins		
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%	3	
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%	3	
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%	3	
<b>OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye</b>		
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B		<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B		NATACYN	2	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B		<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B		<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B		<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B	
Cycloplegic Mydriatics			<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B		<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ml daily)	<i>trifluridine</i>	1B	
Miotics			ZIRGAN GEL	2	
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B		Ophthalmic Immunomodulators		
Ophthalmic Adrenergic Agents			<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
<i>apraclonidine hcl</i>	1B		Ophthalmic Local Anesthetics		
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B		<i>proparacaine hcl</i>	1B	
IOPIDINE	3		Ophthalmic Steroids		
Ophthalmic Anti-infectives			ALREX SUSP ( <i>loteprednol etabonate</i> )	3	PA
AZASITE	3	QL(2.5 ml per 30 days retail; 2 ml per 30 days mail)	<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ml daily)
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3		<i>difluprednate</i>	1B	PA
BESIVANCE	3	PA	<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B	
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B		FML FORTE SUSP	3	PA
<i>erythromycin (ophth)</i>	1B		FML OINT	3	PA
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B		LOTEMAX OINT	3	PA
<i>gentamicin sulfate (ophth) OINT</i>	1B		<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B		<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA
KLARITY-A	3	QL(2.5 ml per 30 days retail; 2 ml per 30 days mail)	MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B		<i>neomycin-polymy-dexameth OINT</i>	1B	
			<i>neomycin-polymy-dexameth SUSP</i>	1B	
			<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ml daily)

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PRED MILD	3	PA
PRED-G SUSP	3	PA
<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B	
ZYLET	3	PA
Ophthalmic Surgical Aids		
HEALON PRO SOSY	3	PA
PROVISC SOSY	3	PA
Ophthalmics - Misc.		
ALOCRIL	3	PA
ALOMIDE	3	PA
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
<i>brinzolamide</i>	1B	
<i>bromfenac sodium (ophth) 0.09 %</i>	1B	
<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl</i>	1B	
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>flurbiprofen sodium</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1B	
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B	
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ml daily); ST
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	RX/OTC
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ml daily); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	3	
<i>latanoprost SOLN</i>	1B	
<i>tafluprost</i>	1B	
<i>travoprost SOLN</i>	1B	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ml daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1B	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	PA
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetamide</i>	1B	QL(0.5 ea daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Immune Serums		
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML	4	SP; PA
GAMMAGARD LIQUID 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	4	PA
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	4	SP; PA
GAMMAKED 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAKED 1 GM/10ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML, 40 GM/400ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C 1 GM/10ML	4	SP; PA
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
<b>PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	
<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IJ 1 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	
Natural Penicillins		
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	
PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B	
PENICILLIN G PROCAINE	3	
<i>penicillin g sodium</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate CHEW</i>	1B	
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate SUSR</i>	1B	
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate TABS</i>	1B	
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate TB12</i>	1B	
<i>ampicillin &amp; sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM</i>	1B	
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1B	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B	
<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<b>PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs</b>		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1B	
<b>PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions</b>		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>disulfiram</i>	1B	
LUCEMYRA	3	QL(224 ea per 14 days retail); PA
<b>Antidementia Agents</b>		
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	
<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1B	
<b>Combination Psychotherapeutics</b>		
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1B	
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1B	QL(4 ea daily)
<b>Fibromyalgia Agents</b>		
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; PA
SAVELLA TABS	2	QL(2 ea daily); PA
<b>Movement Disorder Drug Therapy</b>		
AUSTEDO TABS	4	QL(4 ea daily); PA
INGREZZA CAPS	4	QL(1 ea daily); PA
INGREZZA CPPK	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<b>Multiple Sclerosis Agents</b>		
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
AVONEX PSKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
BETASERON KIT	4	QL(0.5 ea daily); SP; PA
<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	4	QL(2 ea daily)
<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i> fingolimod hcl</i>	4	QL(1 ea daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	3	QL(1 ml daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	3	QL(0.43 ml daily)
KESIMPTA	4	QL(0.0144 ml daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	4	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; SP; PA
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; SP; PA
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 ea daily)
<b>Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents</b>		
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<b>Pseudobulbar Affect (PBA) Agents</b>		
NUDEXTA	3	QL(2 ea daily); PA
<b>Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.</b>		
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B	
<i>pimozide</i>	1B	
<b>Smoking Deterrents</b>		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	0	
<i>nicotine MISC XX</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 ea daily)
NICOTROL INHALER INHA	0	
NICOTROL NS SOLN	0	
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>varenicline tartrate TBPk</i>	0	
<b>Transthyretin Amyloidosis Agents</b>		
TEGSEDI	4	PA
<b>RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions</b>		
<b>Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)</b>		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
PROLASTIN-C SOLR	4	PA
<b>Cystic Fibrosis Agents</b>		
KALYDECO TABS	4	QL(2 ea daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ORKAMBI PACK 125 MG-100 MG, 188 MG-150 MG	4	QL(2 ea daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 ea daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ml daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPk 100 MG-50 MG	4	QL(3 ea daily); PA
<b>Pulmonary Fibrosis Agents</b>		
OFEV	4	QL(2 ea daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 ea daily); PA
<b>SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
<b>Sulfonamides</b>		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B	
<b>TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
<b>Fluorocyclines</b>		
XERAVA	4	PA
<b>Glycylcyclines</b>		
<i>tigecycline</i>	1B	
<b>Tetracyclines</b>		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 ea daily)
<b>THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones</b>		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole TABS</i>	1B	
<i>propylthiouracil</i>	1B	
Thyroid Hormones		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1B	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B	
NP THYROID 120 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 15 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 30 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 60 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 90 TABS	1B	QL(1 ea daily)
SYNTHROID TABS ( <i>levothyroxine sodium</i> )	2	
<b>TOXOIDS</b>		
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DAPTACEL	0	
DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP	0	
INFANRIX	0	
KINRIX SUSY	0	
PEDIARIX SUSY	0	
PENTACEL	0	
QUADRACEL SUSP	0	
QUADRACEL SUSY	0	
TDVAX SUSP	0	
TENIVAC INJ	0	
TETANUS/DIPHThERIA TOXOIDS-ADSORBED ADULT SUSP	0	
<b>ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions</b>		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl SOLN OR</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B	
<i>methscopolamine bromide</i>	1B	
H-2 Antagonists		
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B	
<i>famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML</i>	1A	
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>nizatidine CAPS</i>	1B	
<i>nizatidine SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>ranitidine hcl TABS 150 MG</i>	1B	
Misc. Anti-Ulcer		
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
Proton Pump Inhibitors		
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B	
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
<b>NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)</b>	1B	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	3	QL(1 ea daily)
Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 ea daily)
Ulcer Therapy Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 rtl MAX day(s) supply; 365 rtl lmt day(s); 14 mail MAX day(s) supply; 365 mail lmt day(s)
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC
<b>URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms</b>		
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B	
<i>tropium chloride CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>tropium chloride TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B	
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants		
<i>flavoxate hcl</i>	1B	
<b>VACCINES</b>		
Bacterial Vaccines		
ACTHIB SOLR IM	0	
BEXSERO	0	
HIBERIX SOLR IJ	0	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MENACTRA	0		AREXVY	0	
MENQUADFI	0		COMIRNATY 2023-24 SUSP	0	
MENVEO SOLR	0		COMIRNATY 2023-24 SUSY	0	
PEDVAX HIB SUSP	0		COMIRNATY SUSP	0	
PNEUMOVAX 23	0		ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill
PNEUMOVAX 23/1 DOSE	0		ENGERIX-B SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill
PREVNAR 13	0		FLUAD QUADRIVALENT 2021-2022	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
PREVNAR 20	0	1 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply	FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
TRUMENBA	0		FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
VAXNEUVANCE	0	4 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply	FLUARIX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
<b>Viral Vaccines</b>			FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
ABRYSVO	0		FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUBLOK QUADRIVALENT 2021-2022	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply			
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply			
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply			
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply			

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2021-2022	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLULAVAL QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
			GARDASIL 9 SUSP	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
			GARDASIL 9 SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
HAVRIX	0		ROTARIX SUSP	0	
HEPLISAV-B SOSY	0	2 rtl MAX fill; 292 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill	ROTARIX SUSR	0	
IPOL INACTIVATED IPV	0		ROTATEQ SOLN	0	
M-M-R II SOLR	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	SHINGRIX	0	2 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply; AL (At least 50 yrs old)
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE6-11Y SUSP	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0		TWINRIX SUSY	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	0		VAQTA	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	0		VARIVAX INJ	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	0		<b>VAGINAL AND RELATED PRODUCTS</b>		
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	0		Miscellaneous Vaginal Products		
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP	0		INTRAROSA	3	QL(1 ea daily); PA
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP	0		Spermicides		
PREHEVBRIO	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	TODAY SPONGE MISC	0	
PRIORIX SUSR	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	Vaginal Anti-infectives		
RECOMBIVAX HB SUSP	0		<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	
RECOMBIVAX HB SUSY	0		<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	
			GYNAZOLE-1	3	QL(5 gm per 30 days retail; 5 gm per 30 days mail)
			<i>metronidazole vaginal</i>	1B	
			<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
			<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
			<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
			<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
			Vaginal Contraceptive - pH Modulators		

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	
FEMRING	3	PA
PREMARIN	2	QL(1.5 gm daily)
<b>VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions</b>		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML</i>	1B	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill; QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail)
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill; QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail)
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1B	
<b>VITAMINS</b>		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT</i>	1A	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN OR</i>	1B	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
<i>ascorbic acid SOLN IJ</i>	3	QL(0.4 ml daily)
NIACIN TR TBCR	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	
<i>niacin TBCR</i>	1A	

Ambetter Formulary Updated April 1, 2024

## INDEX

abacavir sulfate SOLN .....	29	acyclovir CAPS .....	31	AIRDUO DIGIHALER 232/14 .....	9
abacavir sulfate TABS .....	29	acyclovir SUSP .....	31	AIRDUO DIGIHALER 55/14 .....	9
abacavir sulfate-lamivudine .....	29	acyclovir TABS OR .....	31	AIRSUPRA .....	9
ABELCET .....	17	acyclovir topical CREA .....	39	AKYNZEO .....	17
abiraterone acetate 250 MG .....	24	acyclovir topical OINT .....	39	albendazole .....	7
abiraterone acetate 500 MG .....	24	ADACEL SUSP .....	62	albuterol sulfate AERS .....	9
ABRYSCO .....	64	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ .....	3	albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.5 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML, 2.5 MG/0.5ML .....	9
acamprosate calcium .....	59	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY .....	3	albuterol sulfate SYRP .....	9
acarbose .....	14	adapalene CREA .....	36	albuterol sulfate TABS .....	9
acebutolol hcl CAPS .....	31	adapalene GEL 0.1 % .....	36	alclometasone dipropionate CREA	39
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	adapalene GEL 0.3 % .....	36	alclometasone dipropionate OINT	39
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG .....	6	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 % .....	36	ALDURAZYME .....	44
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG .....	6	ADCETRIS .....	23	ALECENSA .....	25
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG .....	6	adefovir dipivoxil .....	30	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG .....	43
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG ....	6	ADEMPAS .....	33	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG .....	43
acetazolamide CP12 .....	42	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG ....	62	alfuzosin hcl .....	46
acetazolamide sodium .....	42	AFLURIA QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSP .....	64	ALINIA SUSR .....	21
acetazolamide TABS 125 MG .....	42	AFLURIA QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY .....	64	aliskiren fumarate .....	20
acetazolamide TABS 250 MG .....	42	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP .....	64	allopurinol .....	47
acetic acid (otic) .....	58	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY .....	64	almotriptan malate 12.5 MG .....	52
acetic acid 0.25 % .....	46	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP .....	64	almotriptan malate 6.25 MG .....	52
acetylcysteine SOLN .....	36	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY .....	64	ALOCRIAL .....	58
acitretin 10 MG, 17.5 MG .....	38	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY .....	64	alogliptin benzoate .....	15
acitretin 25 MG .....	38	AIMOVIG .....	51	alogliptin-metformin hcl .....	14
ACTHAR .....	43	AIMSCO LUBRICATED MISC .....	50	alogliptin-pioglitazone 15 MG-12.5 MG, 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG .....	14
ACTHIB SOLR IM .....	63	AIRDUO DIGIHALER 113/14 .....	9	alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG,	
ACTIMMUNE .....	26				

30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	14	amlodipine besylate TABS	32	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1
ALOMIDE	58	amlodipine besylate-atorvastatin calcium	32	amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG- 3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG	1
alose tron hcl	46	amlodipine besylate-benazepril hcl 19		amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1
alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG	8	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil	19	amphotericin b IV	17
alprazolam TABS 2 MG	8	amlodipine besylate-valsartan	19	amphotericin b liposome	17
alprazolam TB24	8	amlodipine-valsartan- hydrochlorothiazide	19	ampicillin & sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM	59
alprazolam TBDP	8	amoxapine	14	ampicillin CAPS 500 MG	59
ALREX SUSP (lote prednol etabonate)	57	amoxicillin & pot clavulanate CHEW 59		ampicillin sodium IJ 1 GM	59
ALTABAX	37	amoxicillin & pot clavulanate SUSR 59		anagrelide hcl	47
ALUNBRIG TABS	25	amoxicillin & pot clavulanate TABS 59		anastrozole	24
ALUNBRIG TBPk	25	amoxicillin CAPS	59	ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	7
ALVESCO	9	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG 59		ANNOVERA	34
alvimopan	46	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML	59	ANORO ELLIPTA	9
amantadine hcl CAPS	27	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML	59	ANZEMET TABS 50 MG	16
amantadine hcl SOLN	27	amoxicillin TABS	59	APIDRA SOLN	15
amantadine hcl TABS	27	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	63	APIDRA SOLOSTAR SOPN	15
ambrisentan	33	amphetamine sulfate TABS	1	apomorphine hydrochloride SOCT	27
amcinonide CREA	39	amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG	1	apraclonidine hcl	57
amcinonide LOTN	39	amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG- 3.75 MG	1	aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG	17
amcinonide OINT	39			aprepitant CAPS 80 MG	17
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2			aprepitant CAPS	17
amiloride & hydrochlorothiazide	42				
amiloride hcl TABS	43				
aminocaproic acid TABS	48				
aminophylline SOLN	9				
amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML	8				
amiodarone hcl TABS	8				
amitriptyline hcl TABS	14				

aprepitant MISC .....	17	atazanavir sulfate CAPS 200 MG ..	29	azithromycin SUSR .....	49
APTIOM .....	11	atenolol & chlorthalidone .....	19	azithromycin TABS 250 MG .....	49
APTIVUS CAPS .....	29	atenolol TABS .....	31	azithromycin TABS 500 MG .....	49
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML .....	47	ATGAM .....	54	azithromycin TABS 600 MG .....	49
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML .....	48	atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG .....	1	aztreonam 1 GM .....	21
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML ....	48	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG .....	1	bacitracin (ophthalmic) .....	57
ARCALYST .....	3	atorvastatin calcium TABS .....	18	bacitracin .....	20
AREXVY .....	64	atovaquone .....	21	baclofen TABS 10 MG, 20 MG ....	56
arformoterol tartrate .....	9	atovaquone-proguanil hcl .....	21	BALCOLTRA (levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron) .....	34
ARIKAYCE .....	2	atracurium besylate 100 MG/10ML 56		balsalazide disodium CAPS .....	46
aripiprazole SOLN OR .....	29	atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML .....	62	BALVERSA .....	25
aripiprazole TABS .....	29	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML .....	62	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 11	
armodafinil .....	1	ATROVENT HFA .....	8	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 11	
ARMOUR THYROID TABS .....	62	AUSTEDO TABS .....	60	BARACLUDGE SOLN .....	30
ARNUIITY ELLIPTA .....	9	AVONEX PEN AJKT .....	60	BASAGLAR KWIKPEN SOPN .....	15
arsenic trioxide 10 MG/10ML .....	26	AVONEX PSKT .....	60	BAXDELA SOLR .....	45
ARZERRA .....	23	AYVAKIT .....	24	BAXDELA TABS .....	45
ascorbic acid SOLN IJ .....	67	azacitidine SUSR .....	23	BELSOMRA .....	49
asenapine maleate 2.5 MG .....	28	AZASITE .....	57	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...	19
asenapine maleate 5 MG, 10 MG ..	28	AZATHIOPRINE .....	54	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	19
aspirin CHEW .....	4	azathioprine TABS .....	54	benazepril hcl .....	19
aspirin TABS 325 MG .....	4	azelaic acid GEL .....	41	bendamustine hcl SOLR .....	22
aspirin TBEC 325 MG .....	4	azelastine hcl (ophth) .....	58	BENZEPRO CREAMY WASH LIQD . 36	
aspirin TBEC 81 MG .....	4	azelastine hcl .....	56	benzonatate 100 MG .....	36
aspirin-dipyridamole .....	47	AZELEX .....	36	benzonatate 150 MG .....	36
atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG .....	29	azithromycin PACK .....	49	benzonatate 200 MG .....	36
		azithromycin SOLR .....	49		

benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 % .....36	bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG .....63	BRIVIACT TABS ..... 11
benzoyl peroxide GEL 10 % ..... 36	bexarotene (topical) .....38	bromfenac sodium (ophth) 0.09 % .58
benzoyl peroxide GEL 5 % ..... 36	bexarotene ..... 26	bromocriptine mesylate CAPS .....27
benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 % .....36	BEXSERO ..... 63	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG ..... 27
benzoyl peroxide-erythromycin GEL . 36	bicalutamide ..... 24	BRUKINSA ..... 25
benztropine mesylate SOLN ..... 27	BIKTARVY ..... 29	budesonide (inhalation) SUSP .....9
benztropine mesylate TABS ..... 27	bimatoprost SOLN ..... 58	budesonide (intrarectal) ..... 7
bepotastine besilate .....58	bisacodyl SUPP ..... 49	budesonide (nasal) .....56
BESIVANCE .....57	bisacodyl TBEC .....49	budesonide CPEP ..... 35
betaine ..... 44	bisoprolol & hydrochlorothiazide ..20	budesonide-formoterol fumarate dihydrate .....9
betamethasone dipropionate (topical) CREA .....39	bisoprolol fumarate ..... 31	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ...43
betamethasone dipropionate (topical) LOTN .....39	bleomycin sulfate 15 UNIT .....25	bumetanide TABS ..... 43
betamethasone dipropionate (topical) OINT .....39	BOOSTRIX SUSP ..... 62	buprenorphine hcl SOLN .....6
betamethasone dipropionate augmented CREA .....39	BOOSTRIX SUSY ..... 62	buprenorphine hcl SUBL ..... 6
betamethasone dipropionate augmented LOTN .....39	bortezomib SOLR IJ ..... 25	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG .....6
betamethasone dipropionate augmented OINT .....39	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..25	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG ....6
betamethasone valerate CREA ...39	bosentan TABS 125 MG ..... 33	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL ..... 6
betamethasone valerate FOAM ... 39	bosentan TABS 62.5 MG ..... 33	buprenorphine PTWK ..... 6
betamethasone valerate LOTN ....39	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG 25	bupropion hcl (smoking deterrent) 61
betamethasone valerate OINT ....39	BOSULIF TABS 400 MG ..... 25	bupropion hcl TABS .....12
BETASERON KIT .....60	BRAFTOVI 75 MG .....25	bupropion hcl TB12 100 MG .....12
betaxolol hcl (ophth) SOLN .....56	BREO ELLIPTA .....9	bupropion hcl TB12 150 MG .....12
betaxolol hcl .....31	BREZTRI AEROSPHERE .....9	bupropion hcl TB12 200 MG .....13
bethanechol chloride 25 MG .....63	BRILINTA .....47	bupropion hcl TB24 150 MG .....13
	brimonidine tartrate (topical) ..... 41	bupropion hcl TB24 300 MG .....13
	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 % 57	buspirone hcl 5 MG ..... 8
	brimonidine tartrate-timolol maleate . 56	
	brinzolamide .....58	
	BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML .. 11	

bupirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG .....	8	calcitriol (topical) .....	38	carbidopa-levodopa-entacapone ..	27
busulfan SOLN .....	22	calcitriol CAPS .....	44	carbinoxamine maleate SOLN .....	17
butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG .....	4	calcitriol SOLN IV .....	44	carbinoxamine maleate TABS 4 MG .	17
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG .....	4	calcium acetate (phosphate binder) CAPS .....	46	carboplatin SOLN 50 MG/5ML .....	22
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG .....	4	calcium acetate (phosphate binder) TABS .....	46	carisoprodol TABS .....	56
butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG .....	4	calcium chloride (dihydrate) SOLN	52	carisoprodol w/ aspirin & codeine	.56
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG .....	6	calcium polycarbophil TABS .....	49	carmustine .....	22
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG .....	6	CALQUENCE .....	25	carteolol hcl (ophth) .....	57
butalbital-aspirin-caffeine CAPS .....	4	candesartan cilexetil .....	19	carvedilol .....	31
butalbital-aspirin-caffeine w/cod .....	6	candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide .....	20	carvedilol phosphate .....	31
butenafine hcl .....	37	CAPASTAT SULFATE .....	22	caspofungin acetate .....	17
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML .....	7	capecitabine .....	23	CAYA DPRH .....	50
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML ..	7	CAPRELSA .....	25	CAYSTON .....	21
cabergoline .....	45	captopril 12.5 MG .....	19	cefaclor CAPS .....	33
CABLIVI .....	47	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG .	19	cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML .....	33
CABOMETYX TABS .....	25	carbamazepine CHEW .....	11	cefadroxil CAPS .....	33
calcipotriene CREA .....	38	carbamazepine CP12 100 MG .....	11	cefadroxil SUSR .....	33
calcipotriene OINT .....	38	carbamazepine CP12 200 MG .....	11	cefadroxil TABS .....	33
calcipotriene SOLN .....	38	carbamazepine CP12 300 MG .....	11	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG .....	33
calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT .....	39	carbamazepine SUSP .....	11	cefdinir CAPS .....	33
calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP .....	39	carbamazepine TABS .....	11	cefdinir SUSR .....	33
calcitonin (salmon) NA .....	43	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG .....	11	cefepime hcl SOLR IV 2 GM .....	34
		carbamazepine TB12 200 MG .....	11	cefixime CAPS .....	33
		carbidopa .....	27	cefixime SUSR .....	33
		carbidopa-levodopa TABS .....	27	cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM	33
		carbidopa-levodopa TBCR .....	27	cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	33
		carbidopa-levodopa TBDP .....	27	cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM ...	33
				cefpodoxime proxetil SUSR .....	34

cefepodoxime proxetil TABS .....	34	chlorpromazine hcl TABS .....	29	ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML .....	45
cefprozil SUSR .....	33	chlorthalidone 25 MG, 50 MG .....	43	ciprofloxacin-dexamethasone .....	58
cefprozil TABS .....	33	chlorzoxazone TABS 500 MG .....	56	ciprofloxacin-fluocinolone acetonide . 58	
ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM .....	34	CHOLBAM .....	45	cisplatin SOLN 100 MG/100ML ...	22
ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG .....	34	cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT .....	67	citalopram hydrobromide SOLN ...	13
ceftriaxone sodium IJ 250 MG .....	34	cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT .....	67	citalopram hydrobromide TABS 10 MG .....	13
cefuroxime axetil TABS .....	33	cholestyramine light PACK .....	18	citalopram hydrobromide TABS 20 MG .....	13
cefuroxime sodium IJ 750 MG .....	33	cholestyramine light POWD .....	18	citalopram hydrobromide TABS 40 MG .....	13
celecoxib .....	3	cholestyramine PACK .....	18	clarithromycin SUSR .....	49
CELONTIN (methsuximide) .....	12	cholestyramine POWD .....	18	clarithromycin TABS .....	49
cephalexin CAPS .....	33	cholefenofibrate .....	18	clarithromycin TB24 .....	49
cephalexin SUSR .....	33	CHORIONIC GONADOTROPIN IM 43		CLASSIC PRENATAL TABS .....	55
CERDELGA .....	47	cicopirox GEL .....	37	clemastine fumarate SYRP .....	17
CEREZYME 400 UNIT .....	47	cicopirox olamine CREA .....	37	clemastine fumarate TABS 2.68 MG . 17	
cetirizine hcl TABS .....	18	cicopirox olamine SUSP .....	37	CLIMARA PRO .....	45
cevimeline hcl .....	54	cicopirox SHAM .....	37	clindamycin hcl .....	21
CHEMET .....	16	cicopirox SOLN .....	37	clindamycin palmitate hydrochloride . 21	
CHEMSTRIP-K STRP .....	42	cidofovir .....	30	clindamycin phosphate (topical) FOAM .....	36
chloramphenicol sodium succinate 21		cilostazol .....	47	clindamycin phosphate (topical) GEL 36	
chlordiazepoxide hcl CAPS .....	8	CIMDUO .....	29	clindamycin phosphate (topical) LOTN .....	36
chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide .....	62	cimetidine TABS .....	62	clindamycin phosphate (topical) SOLN .....	36
chlordiazepoxide-amitriptyline .....	60	cinacalcet hcl .....	44	clindamycin phosphate (topical) SWAB .....	36
chlorhexidine gluconate (mouth- throat) .....	54	CIPRO SUSR .....	45		
chloroquine phosphate TABS 250 MG .....	22	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN ...	57		
chloroquine phosphate TABS 500 MG .....	22	ciprofloxacin hcl (otic) .....	58		
chlorpromazine hcl SOLN .....	29	ciprofloxacin hcl TABS .....	45		
		ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML .....	45		



clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML .....	21	clonidine hcl (adhd) TB12 .....	1	COMIRNATY SUSP .....	64
clindamycin phosphate vaginal CREA .....	66	clonidine hcl TABS .....	19	COMPLERA .....	29
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate) .....	36	clopidogrel bisulfate 300 MG .....	47	CONTRACE .....	1
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 % .....	36	clopidogrel bisulfate 75 MG .....	47	COPIKTRA .....	25
clindamycin phosphate-tretinoin ..	37	clorazepate dipotassium TABS .....	8	CORDRAN TAPE .....	40
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10% 56		clotrimazole (topical) CREA .....	37	CORLANOR SOLN .....	33
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5% 56		clotrimazole (topical) SOLN .....	37	CORLANOR TABS .....	33
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20% 56		clotrimazole .....	54	CORTISPORIN-TC .....	58
clobazam SUSP .....	10	clotrimazole vaginal CREA 1 % ...	66	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ .....	38
clobazam TABS .....	10	clotrimazole w/ betamethasone CREA .....	37	COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...	38
clobetasol propionate CREA 0.05 % . 39		clotrimazole w/ betamethasone LOTN .....	37	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .	38
clobetasol propionate emollient base 0.05 % .....	39	clozapine TABS .....	28	COSENTYX UNOREADY SOAJ ..	38
clobetasol propionate FOAM .....	39	clozapine TBDP 100 MG .....	28	CREON CPEP .....	42
clobetasol propionate GEL 0.05 % 39		clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG 28		CRESEMBA CAPS 186 MG .....	17
clobetasol propionate OINT 0.05 % 39		clozapine TBDP 25 MG .....	28	cromolyn sodium (ophth) .....	58
clobetasol propionate SOLN 0.05 % . 40		COARTEM .....	22	cromolyn sodium NEBU .....	8
clocortolone pivalate .....	40	codeine sulfate TABS 30 MG .....	5	crotamiton LOTN .....	41
clofarabine .....	23	CODEINE SULFATE TABS .....	5	CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG- 263 MG-11 UNIT-4000 UNIT .....	55
clomiphene citrate TABS .....	43	colchicine TABS .....	47	cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML .....	47
clomipramine hcl .....	14	colchicine w/ probenecid .....	47	cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG .....	56
clonazepam TABS .....	11	colesevelam hcl PACK .....	18	cyclophosphamide CAPS .....	22
clonidine .....	19	colesevelam hcl TABS .....	18	cyclophosphamide SOLR IJ .....	22
		colestipol hcl GRAN .....	18	cycloserine .....	22
		colestipol hcl PACK .....	18	cyclosporine (ophth) EMUL .....	57
		colestipol hcl TABS .....	18	cyclosporine CAPS .....	54
		COMETRIQ KIT .....	25	cyclosporine modified (for	
		COMIRNATY 2023-24 SUSP .....	64		
		COMIRNATY 2023-24 SUSY .....	64		

microemulsion) CAPS .....	54	DAURISMO .....	24	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic) .....	34
cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN .....	54	DEBACTEROL .....	54	desonide CREA .....	40
cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML .	54	decitabine .....	23	desonide LOTN .....	40
CYLTEZO AJKT .....	3	deferasirox PACK .....	16	desonide OINT .....	40
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML .....	3	deferasirox TABS .....	16	desoximetasone CREA 0.25 % .....	40
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML .....	3	deferasirox TBSO .....	16	desoximetasone GEL .....	40
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT .....	3	deferiprone TABS 500 MG .....	16	desoximetasone OINT 0.25 % .....	40
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT .....	3	deflazacort TABS .....	35	desvenlafaxine succinate 100 MG .	14
cyproheptadine hcl SYRP .....	18	DELESTROGEN 10 MG/ML (estradiol valerate) .....	45	desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG .....	14
cyproheptadine hcl TABS .....	18	DELSTRIGO .....	29	dexamethasone ELIX .....	35
CYSTAGON CAPS .....	46	demeclocycline hcl TABS .....	61	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC .....	35
CYSTARAN .....	58	DEPO-ESTRADIOL .....	45	dexamethasone sodium phosphate (ophth) .....	57
cytarabine SOLN .....	23	DEPO-MEDROL SUSP .....	35	dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML .....	35
dabigatran etexilate mesylate CAPS 110 MG .....	10	DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC .....	35	dexamethasone SOLN .....	35
dabigatran etexilate mesylate CAPS 75 MG, 150 MG .....	10	desipramine hcl TABS .....	14	dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG .....	35
dacarbazine SOLR 200 MG .....	26	desloratadine TABS .....	18	dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG .....	35
dactinomycin .....	25	desloratadine TBDP 2.5 MG .....	18	dexchlorpheniramine maleate SOLN .	17
dalfampridine .....	60	desmopressin acetate SOLN IJ ...	44	dexlansoprazole .....	63
danazol CAPS .....	7	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA .....	44	dexmethylphenidate hcl CP24 .....	1
dantrolene sodium CAPS .....	56	desmopressin acetate spray .....	44	dexmethylphenidate hcl TABS .....	1
dapsone .....	21	desmopressin acetate spray refrigerated .....	44	dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG .....	1
DAPTACEL .....	62	desmopressin acetate TABS 0.1 MG 44		dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG .....	1
daptomycin 500 MG .....	21	desmopressin acetate TABS 0.2 MG 44		dextroamphetamine sulfate TABS 5	
darifenacin hydrobromide .....	63	desogestrel & ethinyl estradiol ....	34		
darunavir TABS .....	29	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic) .....	34		

MG, 10 MG .....	1	difluprednate .....	57	MG/5ML .....	17
dextrose in lactated ringers .....	53	digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML .....	32	diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML .....	18
DIACOMIT CAPS 250 MG .....	11	digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG .....	32	diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML .....	18
DIACOMIT CAPS 500 MG .....	11	dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML .....	52	diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	16
DIACOMIT PACK 250 MG .....	11	dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML .....	52	diphenoxylate w/ atropine TABS ...	16
DIACOMIT PACK 500 MG .....	11	DILANTIN (phenytoin sodium extended) .....	12	DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP ...	62
diazepam (anticonvulsant) GEL ...	11	DILANTIN .....	12	dipyridamole .....	47
diazepam CONC .....	8	DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin) .....	12	disopyramide phosphate CAPS .....	8
diazepam SOLN OR 5 MG/5ML ....	8	DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) .	12	disulfiram .....	60
diazepam TABS .....	8	diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG .....	32	DIURIL SUSP .....	43
diazoxide .....	15	diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG .....	32	divalproex sodium TB24 .....	12
dichlorphenamide .....	42	diltiazem hcl CP12 .....	32	divalproex sodium TBEC .....	12
diclofenac epolamine PTCH EX ...	38	diltiazem hcl CP24 .....	32	docetaxel CONC 20 MG/ML .....	27
diclofenac potassium TABS 50 MG .	3	diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG .....	32	docetaxel SOLN 20 MG/2ML .....	27
diclofenac sodium (actinic keratoses) EX .....	38	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..	32	docosate calcium .....	49
diclofenac sodium (ophth) .....	58	DILTIAZEM HCL SOLR .....	32	docosate sodium CAPS 100 MG ..	49
diclofenac sodium (topical) GEL EX 38		diltiazem hcl TABS .....	32	docosate sodium CAPS 250 MG ..	49
diclofenac sodium TB24 .....	3	diltiazem hcl TB24 .....	32	dofetilide .....	8
diclofenac sodium TBEC .....	3	dimethyl fumarate CDPK .....	60	donepezil hydrochloride TABS 10 MG .....	60
diclofenac w/ misoprostol TBEC ....	3	dimethyl fumarate CPDR .....	60	donepezil hydrochloride TABS 5 MG . 60	
dicloxacillin sodium .....	59	DIPENTUM .....	46	donepezil hydrochloride TBDP 10 MG .....	60
dicyclomine hcl CAPS .....	62	diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 17		donepezil hydrochloride TBDP 5 MG 60	
dicyclomine hcl SOLN OR .....	62	diphenhydramine hcl ELIX 12.5		DOPTLET .....	48
dicyclomine hcl TABS .....	62			dorzolamide hcl .....	58
DIFFERIN LOTN .....	37			dorzolamide hcl-timolol maleate ..	57
DIFICID TABS .....	49				
diflorasone diacetate CREA .....	40				
diflorasone diacetate OINT .....	40				
diflunisal TABS .....	4				

DOVATO .....	29	duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG .....	14	EMFLAZA SUSP .....	35
doxazosin mesylate .....	19	duloxetine hcl CPEP 40 MG .....	14	EMFLAZA TABS (deflazacort) .....	35
doxepin hcl (antipruritic) .....	38	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI .....	50	EMGALITY SOAJ .....	51
doxepin hcl (sleep) .....	48	dutasteride .....	46	EMGALITY SOSY 100 MG/ML .....	51
doxepin hcl CAPS .....	14	dutasteride-tamsulosin hcl .....	46	EMGALITY SOSY 120 MG/ML .....	51
doxepin hcl CONC .....	14	econazole nitrate CREA .....	37	EMSAM .....	13
doxercalciferol CAPS .....	44	EDARBI .....	19	emtricitabine CAPS .....	29
doxercalciferol SOLN .....	44	EDURANT .....	29	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG- 200 MG, 167 MG-250 MG .....	29
doxorubicin hcl liposomal .....	25	efavirenz CAPS 200 MG .....	29	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG .....	29
doxorubicin hcl SOLN .....	25	efavirenz CAPS 50 MG .....	29	EMTRIVA SOLN .....	29
doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG .....	25	efavirenz TABS .....	29	EMVERM CHEW .....	7
doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG .....	61	efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate .....	29	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 20	
doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG .....	61	efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate .....	29	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20	
doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG .....	62	EGRIFTA 2 MG .....	44	enalapril maleate TABS .....	19
doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG .....	61	EGRIFTA SV .....	44	ENBREL MINI SOCT .....	4
doxycycline hyclate CAPS .....	62	ELAPRASE .....	44	ENBREL SOLN .....	4
doxycycline hyclate SOLR .....	62	electrolyte-148 .....	53	ENBREL SOLR .....	4
doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG .....	62	electrolyte-a .....	53	ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML .....	4
doxylamine-pyridoxine TBEC .....	17	ELESTRIN GEL .....	45	ENBREL SOSY 50 MG/ML .....	4
dronabinol CAPS .....	17	eletriptan hydrobromide .....	52	ENBREL SURECLICK SOAJ .....	4
drospirenone-ethinyl estradiol .....	34	ELIGARD KIT SC 7.5 MG .....	24	ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML ...	64
drospirenone-ethinyl estradiol- levomefolate calcium .....	34	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG .....	24	ENGERIX-B SUSY .....	64
DROXIA CAPS .....	47	ELIQUIS STARTER PACK TBPK .	10	enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML .....	10
DUAVEE .....	45	ELIQUIS TABS .....	10	enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML .....	10
DULERA .....	9	ELLA .....	35	enoxaparin sodium SOSY 30	
		ELMIRON CAPS .....	46		
		EMCYT .....	24		

MG/0.3ML .....	10	ergotamine w/ caffeine TABS .....	52	estradiol vaginal CREA .....	67		
enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML .....	10	ERIVEDGE .....	24	estradiol vaginal TABS .....	67		
enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML .....	10	ERLEADA 240 MG .....	24	estradiol valerate .....	45		
enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML .....	10	ERLEADA 60 MG .....	24	ESTROGEL GEL .....	45		
ENSPRYNG .....	54	erlotinib hcl .....	24	eszopiclone .....	48		
entacapone .....	27	ERTACZO .....	37	ethacrynic acid .....	43		
entecavir TABS .....	30	ertapenem sodium IJ .....	21	ethambutol hcl TABS .....	22		
EPIDIOLEX .....	11	erythromycin (acne aid) PADS .....	37	ethosuximide CAPS .....	12		
epinastine hcl (ophth) .....	58	erythromycin (acne aid) SOLN .....	37	ethosuximide SOLN .....	12		
epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML .....	67	erythromycin (ophth) .....	57	ethynodiol diacet & eth estrad .....	34		
epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML .....	67	erythromycin base CPEP .....	49	etodolac CAPS .....	3		
EPIVIR HBV SOLN .....	30	erythromycin base TABS .....	49	etodolac TABS .....	3		
eplerenone .....	20	erythromycin base TBEC .....	49	etonogestrel-ethinyl estradiol .....	35		
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML .....	48	erythromycin ethylsuccinate SUSR 49	ETOPOPHOS .....	27	etoposide CAPS .....	27	
epoprostenol sodium .....	32	erythromycin ethylsuccinate TABS	49	etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML .....	27		
EQL PRENATAL FORMULA TABS 55		escitalopram oxalate SOLN .....	13	etravirine 100 MG .....	29		
EQUETRO 100 MG .....	28	escitalopram oxalate TABS 10 MG 13	etravirine 200 MG .....	29	EUCRISA .....	41	
EQUETRO 200 MG .....	28	escitalopram oxalate TABS 20 MG 13	EVAMIST SOLN .....	45	everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG .....	54	
EQUETRO 300 MG .....	28	escitalopram oxalate TABS 5 MG .	13	everolimus TABS .....	25	EVOTAZ .....	29
ERAXIS .....	17	esomeprazole magnesium CPDR 20 MG .....	63	exemestane .....	24	ezetimibe .....	19
ERBITUX .....	23	esomeprazole magnesium CPDR 40 MG .....	63	ezetimibe-simvastatin .....	18	famciclovir 125 MG, 250 MG .....	31
ergocalciferol CAPS .....	67	esomeprazole magnesium TBEC .	63	famciclovir 500 MG .....	31	famotidine in nacl SOLN .....	62
ergocalciferol SOLN OR .....	67	estazolam .....	48	estradiol GEL .....	45		
ergoloid mesylates TABS .....	61	estradiol PTTW .....	45	estradiol PTTW .....	45		
ERGOMAR SUBL .....	52	estradiol PTWK .....	45	estradiol TABS .....	45		

famotidine SOLN 20 MG/2ML	63	ferrous fumarate-folic acid	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	65
famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML	62	ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	65
famotidine SUSR	63	ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	65
famotidine TABS 20 MG, 40 MG	63	ferrous sulfate TBEC 325 MG	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	65
FANAPT	28	fesoterodine fumarate	63	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	65
FANAPT TITRATION PACK	28	FETZIMA CP24	14	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	65
FANTASY LUBRICATED MISC	50	FETZIMA TITRATION PACK C4PK 14		FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	65
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 50		finasteride	46	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	65
FARXIGA	16	fingolimod hcl	60	fluconazole SUSR	17
FASENRA PEN SOAJ	8	FIRDAPSE	22	fluconazole TABS	17
FASENRA SOSY	8	FIRMAGON	24	flucytosine	17
FC2 FEMALE CONDOM	50	flavoxate hcl	63	fludarabine phosphate SOLN	23
febuxostat	47	flecainide acetate	8	fludarabine phosphate SOLR	23
felbamate SUSP	12	floxuridine	23	fludrocortisone acetate TABS	36
felbamate TABS 400 MG	12	FLUAD QUADRIVALENT 2021-2022	64	FLULAVAL QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY	65
felbamate TABS 600 MG	12	FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	64	FLULAVAL QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	65
felodipine	32	FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	64	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	65
FEMCAP DEVI	50	FLUARIX QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY	64	FLUMIST QUADRIVALENT	65
FEMRING	67	FLUARIX QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	64	flunisolide (nasal) 0.025 %	56
fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG	18	FLUARIX QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	64	fluocinolone acetonide (otic)	58
fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	18	FLUBLOK QUADRIVALENT 2021- 2022	64	fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 40	
fenopropfen calcium TABS	3	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022- 2023	64	fluocinolone acetonide CREA 0.025 %	40
FENSOLVI SC	44	FLUBLOK QUADRIVALENT 2023- 2024	65	fluocinolone acetonide OIL	40
fentanyl citrate LPOP	5			fluocinolone acetonide OINT	40
fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR	5			fluocinolone acetonide SOLN	40

fluocinonide CREA 0.05 %	40	56	folic acid TABS	47
fluocinonide emulsified base	40	fluticasone propionate CREA 0.05 %	fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML	10
fluocinonide GEL	40	40		
fluocinonide OINT	40	fluticasone propionate hfa	fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML	10
fluocinonide SOLN	40	fluticasone propionate LOTN	fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML	.10
fluorometholone (ophth) SUSP	57	fluticasone propionate OINT	fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML	10
fluorouracil (topical) CREA 5 %	38	fluticasone-salmeterol AEPB	FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	42
fluorouracil (topical) SOLN	38	fluticasone-salmeterol AERO	FORA TEST N' GO	
fluorouracil 500 MG/10ML	23	fluvastatin sodium CAPS 20 MG	ADVANCE/VOICE/6 CONNECT	42
fluoxetine hcl CAPS 10 MG	13	fluvastatin sodium CAPS 40 MG	formoterol fumarate NEBU	9
fluoxetine hcl CAPS 20 MG	13	fluvastatin sodium CAPS 40 MG	FORTEO SOPN (teriparatide (recombinant))	43
fluoxetine hcl CAPS 40 MG	13	fluvastatin sodium CAPS 40 MG		
fluoxetine hcl CPDR	13	fluvastatin sodium CAPS 40 MG	FOSAMAX PLUS D	43
fluoxetine hcl SOLN	13	fluvastatin sodium CAPS 40 MG	fosamprenavir calcium TABS	29
fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG	13	fluvastatin sodium CAPS 40 MG	fosfomycin tromethamine	21
13		fluvastatin sodium CAPS 40 MG	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide	20
fluoxetine hcl TABS 20 MG	13	fluvastatin sodium CAPS 40 MG	fosinopril sodium	19
fluphenazine hcl CONC	29	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2021-2022	fosphenytoin sodium	12
fluphenazine hcl ELIX	29	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	FRAGMIN SOSY	10
fluphenazine hcl SOLN	29	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	51
fluphenazine hcl TABS	29	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024		
flurandrenolide CREA	40	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	51
flurandrenolide LOTN	40	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
flurazepam hcl	48	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
flurbiprofen sodium	58	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY		
flurbiprofen TABS	3	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP		
flutamide	24	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY		
fluticasone furoate-vilanterol	9	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY		
fluticasone propionate (inhalation) AEPB	9	FML FORTE SUSP		
fluticasone propionate (nasal) SUSP		FML OINT		

FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM .....	51	GM/300ML .....	59	60
FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM .....	51	GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR .....	59	GLEOSTINE 10 MG .....
FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM .....	51	GAMMAKED 1 GM/10ML .....	59	GLEOSTINE 40 MG, 100 MG .....
frovatriptan succinate .....	52	GAMMAKED 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML .....	59	glimepiride 1 MG, 2 MG .....
fulvestrant SOSY .....	24	GAMUNEX-C 1 GM/10ML .....	59	glimepiride 4 MG .....
furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML .....	43	GAMUNEX-C 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML, 40 GM/400ML .....	59	glipizide TABS 5 MG, 10 MG .....
furosemide TABS .....	43	ganciclovir sodium SOLR .....	30	glipizide TB24 .....
FUZEON SOLR .....	29	ganirelix acetate .....	44	glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG .....
FYCOMPA TABS 2 MG .....	10	GARDASIL 9 SUSP .....	65	glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG .....
FYCOMPA TABS 4 MG .....	10	GARDASIL 9 SUSY .....	65	GLUCAGEN DIAGNOSTIC .....
FYCOMPA TABS 6 MG .....	10	gatifloxacin (ophth) .....	57	glucagon (rdna) .....
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG .....	10	gefitinib .....	24	glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG .....
gabapentin CAPS .....	11	gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG .....	23	glyburide TABS .....
gabapentin SOLN .....	11	gemfibrozil TABS .....	18	glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG .....
gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 11		gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 % .....	2	glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG .....
GALAFOLD .....	44	gentamicin sulfate (ophth) OINT ..	57	glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..
galantamine hydrobromide CP24 ..	60	gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..	57	glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML .....
galantamine hydrobromide SOLN ..	60	gentamicin sulfate (topical) CREA ..	37	glycopyrrolate TABS 1 MG .....
galantamine hydrobromide TABS ..	60	gentamicin sulfate (topical) OINT ..	37	glycopyrrolate TABS 2 MG .....
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML 58		gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML .....	2	GLYXAMBI .....
GAMMAGARD LIQUID 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML .....	58	GENVOYA .....	29	GNP PRENATAL TABS .....
GAMMAGARD LIQUID 30		GILOTRIF .....	24	GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS .....
		glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML .	60	granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML
		glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML .		granisetron hcl TABS .....
				GRASTEK SUBL .....



griseofulvin microsize SUSP .....	17	MG/0.8ML .....	3	MG, 5 MG-200 MG .....	6
griseofulvin microsize TABS .....	17	HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML	.3	hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200	
griseofulvin ultramicrosize .....	17	HUMIRA PEN PNKT .....	3	MG .....	6
guanfacine hcl (adhd) .....	1	HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER		hydrocortisone (intrarectal) .....	7
guanfacine hcl .....	19	PNKT .....	3	hydrocortisone (rectal) EX .....	7
GYNAZOLE-1 .....	66	HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC		hydrocortisone (topical) CREA 1 %,	
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ .....	3	STARTER PACK PNKT .....	3	2.5 % .....	40
HADLIMA SOSY .....	3	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER		hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % .	
HAEGARDA SOLR SC .....	47	PNKT .....	3	40	
HALAVEN .....	27	HUMIRA PSKT .....	3	hydrocortisone (topical) OINT 1 %,	
halcinonide CREA .....	40	HUMULIN R U-500		2.5 % .....	40
halobetasol propionate CREA .....	40	(CONCENTRATED) SOLN SC .....	15	hydrocortisone acetate (rectal) .....	7
halobetasol propionate OINT .....	40	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN		hydrocortisone butyrate CREA .....	40
HALOG OINT .....	40	SC .....	15	hydrocortisone butyrate OINT .....	40
haloperidol decanoate .....	28	HYCANTIN CAPS .....	27	hydrocortisone butyrate SOLN .....	40
haloperidol lactate CONC .....	28	hydralazine hcl SOLN .....	20	hydrocortisone TABS .....	35
haloperidol lactate SOLN .....	28	hydralazine hcl TABS .....	20	hydrocortisone valerate CREA .....	40
haloperidol TABS .....	28	hydrochlorothiazide CAPS .....	43	hydrocortisone valerate OINT .....	40
HAVRIX .....	66	hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG		hydrocortisone w/acetic acid .....	58
HEALON PRO SOSY .....	58	43		hydromorphone hcl LIQD .....	5
HEMANGEOL SOLN OR .....	31	hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50		hydromorphone hcl SOLN IJ 10	
heparin sodium (porcine) SOLN IJ		MG .....	43	MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML .	
5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML,		hydrocodone polistirex-		5	
20000 UNIT/ML .....	10	chlorpheniramine polistirex SUER	.36	hydromorphone hcl TABS .....	5
HEPARIN SODIUM/NACL 0.45%		hydrocodone-acetaminophen SOLN		hydromorphone hcl TB24 32 MG ...	5
SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML		108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217		5	
10		MG/10ML-5 MG/10ML, 325		hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12	
HEPLISAV-B SOSY .....	66	MG/15ML-7.5 MG/15ML .....	6	MG, 16 MG .....	5
HIBERIX SOLR IJ .....	63	hydrocodone-acetaminophen TABS		hydroxychloroquine sulfate 200 MG	
HUMATROPE CART IJ .....	44	300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300		22	
HUMIRA PEDIATRIC CROHNS		MG-7.5 MG .....	6	hydroxyurea .....	26
DISEASE STARTER PACK PSKT 80		hydrocodone-acetaminophen TABS		hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML ..	8
Index 15		325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325		hydroxyzine hcl SYRP .....	8
		MG-7.5 MG .....	6	hydroxyzine hcl TABS .....	8
		hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200			

hydroxyzine pamoate CAPS .....	8	INCRUSE ELLIPTA .....	8	ipratropium bromide (nasal) 0.06 %	56	
HYPERSAL NEBU .....	36	indapamide TABS 1.25 MG .....	43	ipratropium bromide SOLN 0.02 %	9	
HYQVIA .....	59	indapamide TABS 2.5 MG .....	43	ipratropium-albuterol SOLN .....	9	
ibandronate sodium SOLN .....	43	indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG	4	irbesartan .....	19	
ibandronate sodium TABS .....	43	indomethacin CPCR .....	4	irbesartan-hydrochlorothiazide	20	
IBRANCE CAPS .....	25	INFANRIX .....	62	IRESSA (gefitinib) .....	24	
IBRANCE TABS .....	25	INFLECTRA SOLR .....	46	irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100	MG/5ML .....	27
ibuprofen SUSP 100 MG/5ML .....	3	INGREZZA CAPS .....	60	irrigation solutions, physiological	54	
ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG	4	INGREZZA CPPK .....	60	ISENTRESS CHEW .....	30	
ibuprofen TABS 800 MG .....	3	INLYTA .....	23	ISENTRESS HD TABS .....	29	
icatibant acetate SOLN .....	47	INREBIC .....	25	ISENTRESS TABS .....	30	
icatibant acetate SOSY .....	47	INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	15	ISOLYTE-P/DEXTROSE 5% .....	53	
ICLUSIG .....	25	INSULIN ASPART PENFILL SOCT	15	ISOLYTE-S .....	53	
icosapent ethyl 1 GM .....	18	INSULIN ASPART		isoniazid SOLN .....	22	
idarubicin hcl 20 MG/20ML .....	25	PROTAMINE/INSULIN ASPART		isoniazid SYRP .....	22	
idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10	MG/10ML .....	FLEXPEN SUPN .....	15	isoniazid TABS .....	22	
ifosfamide SOLN 1 GM/20ML .....	22	INSULIN ASPART		isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10	MG, 20 MG, 30 MG .....	7
ifosfamide SOLR .....	23	PROTAMINE/INSULIN ASPART		isosorbide dinitrate-hydralazine hcl	32	
imatinib mesylate .....	25	SUSP .....	15	isosorbide mononitrate TABS .....	7	
IMBRUVICA CAPS 140 MG .....	25	INSULIN ASPART SOLN IJ .....	15	isosorbide mononitrate TB24 .....	7	
IMBRUVICA CAPS 70 MG .....	25	INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH		isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG,	40 MG .....	37
IMBRUVICA SUSP .....	25	SOPN .....	15	isradipine CAPS .....	32	
IMBRUVICA TABS .....	25	INSULIN DEGLUDEC SOLN .....	15	itraconazole CAPS .....	17	
imipenem-cilastatin IV .....	21	INTELENCE 25 MG .....	29	itraconazole SOLN .....	17	
imipramine hcl TABS .....	14	INTRAROSA .....	66	ivermectin (pediculicide) .....	41	
imipramine pamoate .....	14	INTRON A SOLR 18000000 UNIT	26	ivermectin .....	7	
imiquimod 5 % .....	41	IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	53	IXEMPRA KIT 15 MG .....	27	
IMPAVIDO .....	20	IOPIDINE .....	57			
INCRELEX .....	44	IPOL INACTIVATED IPV .....	66			
		ipratropium bromide (nasal) 0.03 %	56			

JAKAFI .....	25	KIMONO LUBRICATED MISC .....	50	KYLEENA .....	35
JANUMET TABS .....	14	KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC .....	50	KYPROLIS .....	25
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG .....	14	KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 50		labetalol hcl SOLN .....	31
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG .....	14	KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC .....	50	labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG . 31	
JANUVIA .....	15	KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC .....	50	labetalol hcl TABS 300 MG .....	31
JARDIANCE .....	16	KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 50		lacosamide SOLN OR 10 MG/ML .	11
JEVTANA .....	27	KIMONO PS LUBRICATED MISC .	50	lacosamide TABS .....	11
JULUCA .....	30	KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 50		lactated ringer's (irrigation) .....	54
KALYDECO TABS .....	61	KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC .....	50	lactated ringer's .....	53
KAMELEON LUBRICATED MISC .	50	KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 50		lactic acid (ammonium lactate) CREA .....	41
KANJINTI .....	23	KIMONO SPECIAL DEVI .....	50	lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 % .....	41
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (potassium chloride in dextrose & sodium chloride) .....	53	KINRIX SUSY .....	62	lactulose (encephalopathy) .....	46
KEPIVANCE 6.25 MG .....	27	KISQALI .....	25	lactulose SOLN .....	49
KESIMPTA .....	60	KISQALI FEMARA 200 DOSE ...	25	lamivudine (hbv) TABS .....	30
ketoconazole (topical) CREA .....	37	KISQALI FEMARA 400 DOSE ...	25	lamivudine SOLN .....	30
ketoconazole (topical) SHAM 2 % .	37	KISQALI FEMARA 600 DOSE ...	25	lamivudine TABS 150 MG .....	30
ketoconazole .....	17	KLARITY-A .....	57	lamivudine TABS 300 MG .....	30
KETONE STRP .....	42	KOSELUGO .....	25	lamivudine-zidovudine .....	30
KETONE TEST STRIPS STRP ...	42	KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS .....	55	lamotrigine CHEW 25 MG .....	11
ketoprofen CAPS 50 MG, 75 MG ...	4	KRINTAFEL .....	22	lamotrigine CHEW 5 MG .....	11
ketorolac tromethamine (ophth) ...	58	K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI .....	50	lamotrigine TABS .....	11
ketorolac tromethamine TABS .....	4	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI ...	50	lamotrigine TBDP .....	11
KETOSTIX STRP .....	42			LANOXIN SOLN IJ (digoxin) .....	32
ketotifen fumarate (ophth) 0.035 % 58				LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin) .....	32
KEVZARA SOAJ .....	3			lansoprazole CPDR 15 MG .....	63
KEVZARA SOSY .....	3			lansoprazole CPDR 30 MG .....	63
KIMONO COLORS DEVI .....	50			lanthanum carbonate CHEW .....	46

lapatinib ditosylate	26	MG	11	lidocaine hcl GEL 2 %	41
LASTACRAFT	58	levetiracetam TABS 500 MG	11	lidocaine hcl PRSY	41
latanoprost SOLN	58	levetiracetam TB24	11	lidocaine hcl SOLN	41
leflunomide	4	levobunolol hcl 0.5 %	57	lidocaine PTCH 5 %	41
lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG	54	levocetirizine dihydrochloride SOLN 18		lidocaine-prilocaine CREA	41
lenalidomide 20 MG	54	levocetirizine dihydrochloride TABS 18		LILETTA 20.1 MCG/DAY	35
LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	23	levofloxacin (ophth) 0.5 %	57	lincomycin hcl	21
LENVIMA 12MG DAILY DOSE	23	levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML	45	linezolid SUSR	21
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	23	levofloxacin SOLN OR	45	linezolid TABS	21
LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	23	levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG	45	LINZESS	46
LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	23	levofloxacin TABS 500 MG	45	liothyronine sodium SOLN	62
LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	23	levonorgestrel & eth estradiol TABS 34		liothyronine sodium TABS	62
LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	23	levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG	35	lisdexamfetamine dimesylate CAPS	1
LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	23	levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)	34	lisinopril & hydrochlorothiazide	20
letrozole	24	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91- day) 0.03 MG-0.15 MG	34	lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	19
leucovorin calcium SOLR	27	levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)	34	lithium	28
leucovorin calcium TABS	27	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 34		LITHIUM	28
LEUKERAN	23	levorphanol tartrate TABS 2 MG	5	lithium carbonate CAPS	28
LEUKINE SOLR IJ	48	levothyroxine sodium TABS	62	lithium carbonate TABS	28
leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML .....	24	LEXIVA SUSP	30	lithium carbonate TBCR	28
levabuterol hcl	9	lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %	49	LO LOESTRIN FE TABS	34
levabuterol tartrate	9	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %	54	LOKELMA	54
LEVEMIR FLEXPEN SOPN	15	lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %	54	loperamide hcl CAPS	16
LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	15			lopinavir-ritonavir SOLN	30
LEVEMIR SOLN	15			lopinavir-ritonavir TABS	30
levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML 11				loratadine CAPS	18
levetiracetam TABS 1000 MG	11			loratadine CHEW	18
levetiracetam TABS 250 MG, 750				loratadine SOLN	18
				loratadine TABS	18

loratadine TBDP .....	18	30 MG .....	44	megestrol acetate (appetite) .....	59
lorazepam CONC .....	8	lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG .....	28	megestrol acetate SUSP .....	24
lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG .....	8	lurasidone hcl 80 MG .....	28	megestrol acetate TABS .....	24
lorazepam TABS 1 MG .....	8	LYNPARZA TABS .....	26	MEKINIST SOLR .....	26
LORBRENA .....	26	LYSODREN .....	24	MEKINIST TABS 0.5 MG .....	26
losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG .....	20	mafenide acetate PACK .....	39	MEKINIST TABS 2 MG .....	26
losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG . 20		magnesium sulfate IJ 50 % .....	53	MEKTOVI .....	26
losartan potassium .....	19	malathion .....	41	meloxicam TABS .....	4
LOTEMAX OINT .....	57	maraviroc TABS 150 MG .....	30	melphalan .....	23
loteprednol etabonate GEL .....	57	maraviroc TABS 300 MG .....	30	melphalan hcl .....	23
loteprednol etabonate SUSP .....	57	MARPLAN .....	13	memantine hcl TABS .....	60
lovastatin TABS 10 MG, 20 MG ...	18	MASONATAL TABS .....	55	MENACTRA .....	64
lovastatin TABS 40 MG .....	18	MATULANE .....	26	MENEST .....	45
loxapine succinate .....	28	MAXIDEX SUSP OP .....	57	MENOSTAR PTWK .....	45
lubiprostone .....	45	MAXX LUBRICATED MISC .....	50	MENQUADFI .....	64
LUCEMYRA .....	60	MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC .....	50	MENVEO SOLR .....	64
luliconazole .....	37	meclizine hcl TABS 12.5 MG .....	17	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML .....	5
LUMIZYME .....	44	meclizine hcl TABS 25 MG .....	17	meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML .....	5
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM .....	24	meclofenamate sodium CAPS .....	4	meperidine hcl TABS 50 MG .....	5
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM .....	24	MEDROL TABS .....	35	meprobamate .....	8
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM .	24	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM .....	35	mercaptopurine TABS .....	23
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM .	24	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM .....	35	meropenem .....	21
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) . 44		medroxyprogesterone acetate 10 MG .....	59	mesalamine CP24 .....	46
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG .....	44	medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG .....	59	mesalamine CPDR .....	46
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH)		mefenamic acid CAPS .....	4	mesalamine ENEM .....	46
		mefloquine hcl .....	22	mesalamine SUPP .....	46
				mesalamine TBEC 1.2 GM .....	46
				mesalamine TBEC 800 MG .....	46
				metaxalone 800 MG .....	56

metformin hcl TABS 1000 MG ..... 15	methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG ..... 2	TABS 25 MG-50 MG ..... 20
metformin hcl TABS 500 MG ..... 15	methylphenidate hcl CP24 30 MG .. 2	metoprolol succinate TB24 200 MG 31
metformin hcl TABS 850 MG ..... 15	methylphenidate hcl CP24 ..... 1	metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG ..... 31
metformin hcl TB24 500 MG ..... 15	methylphenidate hcl CPCR ..... 2	metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML ..... 31
metformin hcl TB24 750 MG ..... 15	methylphenidate hcl SOLN ..... 2	metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG ..... 31
methadone hcl CONC ..... 5	methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG ..... 2	metronidazole (topical) CREA ..... 41
methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML .5	methylphenidate hcl TABS 5 MG ... 2	metronidazole (topical) GEL 0.75 % 41
METHADONE HCL SOLN IJ ..... 5	methylphenidate hcl TB24 27 MG .. 2	metronidazole (topical) GEL 1 % .. 41
methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML ..... 5	methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG ..... 2	metronidazole (topical) LOTN ..... 41
methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML 5	methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG ..... 2	metronidazole TABS ..... 20
methadone hcl TABS 10 MG ..... 5	methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG ..... 2	metronidazole vaginal ..... 66
methadone hcl TABS 5 MG ..... 5	methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG ..... 2	mexiletine hcl ..... 8
methadone hcl TBSO ..... 5	methylphenidate PTCH ..... 2	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG ..... 66
methamphetamine hcl ..... 1	methylprednisolone acetate SUSP 35	midodrine hcl ..... 67
methazolamide TABS ..... 42	methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG ..... 35	miglitol ..... 14
methenamine hippurate ..... 21	methylprednisolone TABS ..... 35	miglustat ..... 47
methimazole TABS ..... 62	methylprednisolone TBPK ..... 35	minocycline hcl CAPS ..... 62
METHITEST TABS ..... 7	metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML ..... 45	minocycline hcl TABS ..... 62
methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG ..... 56	metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML ..... 46	minoxidil 2.5 MG, 10 MG ..... 20
METHOTREXATE ..... 2	metoclopramide hcl TABS ..... 46	MIRCERA 30 MCG/0.3ML, 50 MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100 MCG/0.3ML, 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.3ML ..... 48
methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML ..... 23	metolazone ..... 43	MIRENA ..... 35
methotrexate sodium SOLR ..... 23	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG ..... 20	mirtazapine TABS 15 MG ..... 12
methotrexate sodium TABS 2.5 MG 23	metoprolol & hydrochlorothiazide	mirtazapine TABS 30 MG ..... 12
methoxsalen rapid ..... 38		
methscopolamine bromide ..... 62		
methsuximide ..... 12		
methylidopa TABS ..... 19		

mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG	12	MG/ML, 1 MG/ML	5	nalbuphine hcl	7
mirtazapine TBDP 15 MG	12	morphine sulfate SOLN OR 10		naloxone hcl LIQD	16
mirtazapine TBDP 30 MG	12	MG/5ML	5	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4	
mirtazapine TBDP 45 MG	12	morphine sulfate SOLN OR 20		MG/10ML	16
misoprostol	63	MG/5ML	5	naltrexone hcl	16
mitomycin SOLR IV 20 MG	25	morphine sulfate TABS	5	naproxen sodium TABS 550 MG	4
mitoxantrone hcl 2 MG/ML	25	morphine sulfate TBCR	5	naproxen SUSP	4
M-M-R II SOLR	66	MOTOFEN	16	naproxen TABS	4
M-NATAL PLUS TABS	55	MOVANTIK	46	naproxen TBEC 500 MG	4
modafinil 100 MG	2	moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP	57	naratriptan hcl	52
modafinil 200 MG	2	moxifloxacin hcl in sodium chloride	45	NATACYN	57
MODERNA COVID-19 VACCINE		moxifloxacin hcl TABS	45	NATAZIA	34
SUSP	66	MOZOBIL (plerixafor)	48	nateglinide	16
MODERNA COVID-19		MULPLETA	48	NAYZILAM	11
VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP	66	MULTI PRENATAL TABS	55	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG	31
66		mupirocin OINT	37	nebivolol hcl 20 MG	31
MODERNA COVID-19 VACCINE6-		MVASI	23	NEBUSAL NEBU	36
11Y SUSP	66	MYALEPT	44	nefazodone hcl	13
MODERNA COVID-19		mycophenolate mofetil CAPS	54	nelarabine	23
VACCINE6MO-5Y SUSP	66	mycophenolate mofetil TABS	54	neomycin sulfate TABS	2
moexipril hcl	19	mycophenolate sodium	54	neomycin-bacitracin zn-polymyxin	57
mometasone furoate (nasal) SUSP	56	MYLERAN TABS	23	neomycin-polymy-dexameth OINT	57
mometasone furoate CREA	40	nabumetone	4	neomycin-polymy-dexameth SUSP	57
mometasone furoate OINT	40	nadolol TABS 20 MG	31	neomycin-polymyxin-hc (ophth)	57
mometasone furoate SOLN	40	nadolol TABS 40 MG	31	neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN	58
montelukast sodium CHEW	9	nadolol TABS 80 MG	31	neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP	58
montelukast sodium PACK	9	naftifine hcl CREA 1 %	38	NEONATAL COMPLETE TABS 120	
montelukast sodium TABS	9	naftifine hcl CREA 2 %	38	MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10	
morphine sulfate CP24 20 MG, 30		NAGLAZYME	44		
MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG	5				
morphine sulfate SOLN IJ 0.5					

MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	55	nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR	61	nizatidine SOLN	63
NEONATAL PLUS TABS	55	NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	61	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 30 MG/3ML	44
NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	55	NICOTROL INHALER INHA	61	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	44
NEONATAL VITAMIN TABS	55	NICOTROL NS SOLN	61	norelgestromin-ethinyl estradiol	34
neostigmine methylsulfate SOSY	22	nifedipine CAPS 10 MG	32	norethin acet & estrad-fe CAPS	34
NEO-SYNALAR	37	nifedipine CAPS 20 MG	32	norethin acet & estrad-fe CHEW	34
NEUPRO	27	nifedipine TB24 60 MG	32	norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG	34
NEVANAC	58	nifedipine TB24 90 MG	32	norethindrone & eth estradiol	34
nevirapine SUSP	30	nifedipine TB24	32	norethindrone & ethinyl estradiol-fe	34
nevirapine TABS	30	nilutamide	24	norethindrone (contraceptive)	35
nevirapine TB24 100 MG	30	nimodipine CAPS	32	norethindrone acet & eth estra	34
nevirapine TB24 400 MG	30	NINLARO	26	norethindrone acetate TABS	59
NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)	63	NIPENT	27	norethindrone acetate-ethinyl estradiol	45
NEXPLANON	35	nisoldipine 8.5 MG, 17 MG, 20 MG, 30 MG, 34 MG, 40 MG	32	norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe	34
NEXTSTELLIS	34	nitazoxanide TABS	21	norethindrone-eth estradiol (triphasic)	34
niacin (antihyperlipidemic) TBCR	19	nitisinone CAPS	44	norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)	34
niacin CPCR 250 MG, 500 MG	67	NITRO-BID OINT	7	norgestimate-ethinyl estradiol	34
niacin TABS	67	nitrofurantoin	21	norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG	34
niacin TBCR	67	nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG	21	NORMOSOL-M/D5W	53
NIACIN TR TBCR	67	nitrofurantoin monohyd macro	21	NORMOSOL-R	53
niacinamide TABS 100 MG	67	nitroglycerin (intra-anal)	7	nortriptyline hcl CAPS	14
niacinamide TABS 500 MG	67	nitroglycerin CPCR	7	nortriptyline hcl SOLN	14
nicardipine hcl CAPS	32	nitroglycerin PT24	7	NORVIR PACK	30
nicardipine hcl SOLN	32	NITROGLYCERIN SOLN IV	7		
nicotine MISC XX	61	nitroglycerin SUBL	7		
nicotine polacrilex GUM	61	NIVA-PLUS TABS	55		
nicotine polacrilex LOZG	61	nizatidine CAPS	63		



NORVIR SOLN .....	30	nystatin-triamcinolone CREA .....	38	ONCASPAR .....	26
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS .....	42	nystatin-triamcinolone OINT .....	38	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML . 16	
NOVAREL IM 10000 UNIT .....	44	octreotide acetate SOLN .....	45	ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML .....	16
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	15	ODEFSEY .....	30	ondansetron hcl SOSY .....	16
NOVOLIN 70/30 SUSP .....	15	ODOMZO .....	24	ondansetron hcl TABS 24 MG .....	16
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN .....	15	OFEV .....	61	ondansetron hcl TABS 4 MG .....	16
NOVOLIN N SUSP .....	16	ofloxacin (ophth) .....	57	ondansetron hcl TABS 8 MG .....	16
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..	16	ofloxacin (otic) .....	58	ondansetron hcl TABS 8 MG .....	16
NOVOLIN R SOLN IJ .....	16	ofloxacin 300 MG, 400 MG .....	45	ondansetron TBDP 4 MG .....	16
NOXAFIL SUSP (posaconazole) ..	17	OGIVRI .....	23	ondansetron TBDP 8 MG .....	17
NP THYROID 120 TABS .....	62	olanzapine SOLR .....	28	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	55
NP THYROID 15 TABS .....	62	olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG ..	28	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS .....	55
NP THYROID 30 TABS .....	62	olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG .....	28	OPILL .....	35
NP THYROID 60 TABS .....	62	olanzapine TBDP 20 MG .....	28	OPSUMIT .....	33
NP THYROID 90 TABS .....	62	olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG .....	28	ORENITRAM TBCR .....	32
NUBEQA .....	24	olmesartan medoxomil .....	19	ORILISSA .....	44
NUCALA SOAJ .....	8	olmesartan medoxomil-amlodipine- hydrochlorothiazide .....	20	ORKAMBI PACK 125 MG-100 MG, 188 MG-150 MG .....	61
NUCALA SOLR .....	8	olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide .....	20	ORKAMBI TABS .....	61
NUCALA SOSY 100 MG/ML .....	8	olopatadine hcl (nasal) .....	56	ORLADEYO .....	47
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML .....	8	olopatadine hcl 0.1 % .....	58	orphenadrine citrate TB12 .....	56
NUCYNTA ER TB12 .....	5	olopatadine hcl 0.2 % .....	58	oseltamivir phosphate CAPS .....	31
NUCYNTA TABS .....	5	omega-3-acid ethyl esters .....	18	oseltamivir phosphate SUSR .....	31
NUEDEXTA .....	61	omeprazole CPDR .....	63	OSMOPREP .....	49
NULOJIX .....	54	omeprazole magnesium CPDR ...	63	OSPHENA .....	44
nystatin (mouth-throat) .....	54	omeprazole TBEC .....	63	OTEZLA TABS .....	4
nystatin (topical) CREA .....	38	omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG .....	63	OTEZLA TBPK .....	4
nystatin (topical) OINT .....	38	OMNIFLEX DIAPHRAGM .....	50	oxacillin sodium IV 10 GM .....	59
nystatin (topical) POWD EX .....	38			oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100	
nystatin TABS .....	17				

MG/20ML .....	23	pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML .....	43	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid .....	49
oxandrolone .....	7	PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 43		peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM- 2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM .....	49
oxaprozin TABS .....	4	PANCREAZE CPEP 149900 UNIT- 97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT- 16800 UNIT .....	42	peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride .....	49
oxazepam CAPS .....	8	PANRETIN .....	38	PEGASYS SOLN .....	30
OXBRYTA TABS 500 MG .....	47	pantoprazole sodium TBEC 20 MG 63		PEGASYS SOSY .....	30
oxcarbazepine SUSP .....	11	PARAGARD INTRAUTERINE COPPER CONTRACEPTIVE T380A .....	35	PEMAZYRE .....	26
oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG .....	11	paricalcitol CAPS .....	44	pemetrexed disodium SOLR 500 MG 23	
oxcarbazepine TABS 600 MG .....	11	paricalcitol SOLN .....	44	penciclovir .....	39
oxiconazole nitrate CREA .....	38	paroxetine hcl SUSP .....	13	penicillamine CAPS .....	54
OXISTAT LOTN .....	38	paroxetine hcl TABS 10 MG .....	13	penicillamine TABS .....	54
oxybutynin chloride SOLN .....	63	paroxetine hcl TABS 20 MG .....	13	penicillin g potassium 5000000 UNIT 59	
oxybutynin chloride TABS 5 MG .....	63	paroxetine hcl TABS 30 MG .....	13	PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO- OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML .....	59
oxybutynin chloride TB24 .....	63	paroxetine hcl TABS 40 MG .....	13	PENICILLIN G PROCAINE .....	59
oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG .....	5	paroxetine hcl TB24 12.5 MG .....	13	penicillin g sodium .....	59
oxycodone hcl TABS .....	5	paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG .....	13	penicillin v potassium SOLR .....	59
oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG .....	6	PASER PACK .....	22	penicillin v potassium TABS .....	59
oxymorphone hcl TABS .....	5	pazopanib hcl .....	26	PENTACEL .....	62
oxymorphone hcl TB12 40 MG .....	5	PEDIARIX SUSY .....	62	pentazocine w/ naloxone hcl .....	7
oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG 5	5	pediatric multivitamins w/fl CHEW	55	pentoxifylline .....	47
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML .....	15	PEDVAX HIB SUSP .....	64	perindopril erbumine 2 MG, 8 MG	19
OZEMPIC SOPN .....	15			perindopril erbumine 4 MG .....	19
paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML .....	27			PERJETA .....	23
paclitaxel protein-bound particles	27			permethrin CREA .....	41
paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG	28			permethrin LIQD EX .....	41
paliperidone 6 MG .....	28				
palonosetron hcl SOLN .....	17				

perphenazine TABS .....	29	PHOSLYRA SOLN .....	46	plerixafor .....	48
perphenazine-amitriptyline .....	60	PHOTOFRIN .....	27	PNEUMOVAX 23 .....	64
PERSERIS PRSY .....	28	PIFELTRO .....	30	PNEUMOVAX 23/1 DOSE .....	64
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP .....	66	pilocarpine hcl (oral) .....	55	podofilox SOLN .....	41
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP .....	66	pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % . 57		polymyxin b sulfate SOLR .....	21
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP 66		pimecrolimus .....	41	polymyxin b-trimethoprim .....	57
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP .....	66	pimozide .....	61	POMALYST .....	24
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP .....	66	pindolol TABS .....	31	posaconazole SUSP .....	17
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP ..	66	pioglitazone hcl .....	16	potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML . 53	
PHEBURANE PLLT .....	44	pioglitazone hcl-glimepiride .....	14	potassium bicarbonate TBEF .....	53
phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG .....	47	pioglitazone hcl-metformin hcl TABS . 14		potassium chloride CPCR .....	53
phendimetrazine tartrate TABS .....	1	piperacillin sodium-tazobactam sodium .....	59	potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 % .....	53
phenelzine sulfate .....	13	PIQRAY 200MG DAILY DOSE ...	26	potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L .....	53
phenobarbital ELIX .....	48	PIQRAY 250MG DAILY DOSE ...	26	potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 % .....	53
phenobarbital TABS 15 MG, 16.2 MG, 30 MG, 32.4 MG, 64.8 MG, 97.2 MG, 100 MG .....	48	PIQRAY 300MG DAILY DOSE ...	26	potassium chloride microencapsulated crystals er ....	53
phenoxybenzamine hcl .....	19	pirfenidone CAPS .....	61	potassium chloride PACK OR 20 MEQ .....	53
phentermine hcl CAPS .....	1	pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG 61		POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 53	
phenytoin CHEW .....	12	pirfenidone TABS 534 MG .....	61	potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML .....	53
phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG .....	12	piroxicam CAPS .....	4	potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10	
phenytoin sodium SOLN .....	12	PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) ..	53		
phenytoin SUSP .....	12	PLASMA-LYTE-148 (electrolyte-148) .....	53		
PHEXXI .....	67	PLEGRIDY SOPN .....	60		
		PLEGRIDY SOSY SC .....	60		
		PLEGRIDY STARTER PACK SOPN . 60			
		PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC .....	60		

MEQ .....	53	TBDP .....	35	PRENATAL VITAMIN TABS .....	55
POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS .....	53	prednisolone SOLN .....	35	PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	55
POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl) .....	53	prednisolone TABS .....	35	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS .....	55
potassium citrate (alkalinizer) TBCR 10 MEQ, 1080 MG .....	46	prednisone SOLN .....	35	PRENATAL VITAMINS TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT .....	55
potassium phosphates 236 MG/ML- 224 MG/ML .....	53	prednisone TABS 1 MG, 5 MG ....	35	PRENATRIX TABS .....	55
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD .....	37	prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG .....	35	PRENATRYL TABS .....	55
pralatrexate 20 MG/ML .....	23	prednisone TBPK .....	36	PREPLUS TABS .....	55
pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG .....	27	pregabalin (once-daily) 330 MG ...	61	PREVNAR 13 .....	64
pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG .....	28	pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG .....	60	PREVNAR 20 .....	64
prasugrel hcl .....	47	pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 11		PREZCOBIX .....	30
pravastatin sodium .....	18	pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ...	11	PREZISTA SUSP .....	30
praziquantel .....	7	pregabalin SOLN .....	12	PREZISTA TABS (darunavir) .....	30
prazosin hcl CAPS .....	19	PREHEVBRIO .....	66	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	30
PRECISION XTRA .....	42	PREMARIN .....	67	PRIFTIN .....	22
PRED MILD .....	58	PREMARIN SOLR .....	45	primaquine phosphate TABS .....	22
PRED-G SUSP .....	58	PREMARIN TABS .....	45	primidone 50 MG, 250 MG .....	12
prednicarbate OINT .....	40	PREMIUM CONDOMS LUBRICATED MISC .....	50	PRIORIX SUSR .....	66
prednisolone acetate (ophth) .....	58	PREMPHASE .....	45	PROAIR DIGIHALER .....	9
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE .....	58	PREMPRO .....	45	PROAIR RESPICLICK AEPB .....	9
prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML 35		PRENATAL MULTIVITAMIN TABS 55		probenecid .....	47
prednisolone sodium phosphate		PRENATAL ONE DAILY TABS ...	55	procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 8	
		PRENATAL PLUS TABS .....	55	prochlorperazine .....	29
		PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS .....	55	prochlorperazine maleate TABS ...	29
		PRENATAL TABS .....	55	PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML .....	48
		PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS .....	55	PROCRIT 40000 UNIT/ML .....	48

progesterone CAPS .....	59	pyridostigmine bromide TABS 60 MG .....	22	ramelteon .....	49
PROGRAF PACK .....	54	pyridostigmine bromide TBCR .....	22	ramipril CAPS .....	19
PROGRAF SOLN .....	54	pyrimethamine .....	22	ranitidine hcl TABS 150 MG .....	63
PROLASTIN-C SOLN .....	61	QC PRENATAL TABS .....	55	ranolazine TB12 1000 MG .....	7
PROLASTIN-C SOLR .....	61	QINLOCK .....	26	ranolazine TB12 500 MG .....	7
PROLEUKIN .....	27	QUADRACEL SUSP .....	62	rasagiline mesylate .....	28
PROLIA SOSY .....	43	QUADRACEL SUSY .....	62	REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC ..	50
promethazine hcl SOLN 6.25 MG/5ML .....	18	quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG .....	29	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI .....	50
promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG .....	18	quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG .....	29	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI 50	
promethazine hcl SUPP 50 MG ...	18	quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG .....	29	REBIF REBIDOSE SOAJ .....	60
promethazine hcl SYRP .....	18	quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG .....	29	REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ .....	60
promethazine hcl TABS .....	18	quinapril hcl 20 MG, 40 MG .....	19	REBIF SOSY .....	60
propafenone hcl CP12 .....	8	quinapril hcl 5 MG, 10 MG .....	19	REBIF TITRATION PACK SOSY ..	60
propafenone hcl TABS .....	8	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG .....	20	RECOMBIVAX HB SUSP .....	66
proparacaine hcl .....	57	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG .....	20	RECOMBIVAX HB SUSY .....	66
propranolol hcl CP24 .....	31	quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG- 20 MG .....	20	RECTIV (nitroglycerin (intra-anal))	7
propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML .....	31	quinidine sulfate TABS .....	8	REGRANEX .....	41
propranolol hcl TABS .....	31	quinine sulfate CAPS 324 MG .....	22	RELENZA DISKHALER .....	31
propylthiouracil .....	62	QUZYTIR SOLN IV .....	18	RELEXXII TBCR 27 MG .....	2
protriptyline hcl .....	14	QVAR REDIHALER .....	9	RELEXXII TBCR 36 MG, 54 MG ...	2
PROVISC SOSY .....	58	RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS .....	55	RELION KETONE TEST STRIPS STRP .....	42
PTS PANELS KETONE TEST ....	42	RA PRENATAL TABS .....	55	RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP .....	42
PULMICORT FLEXHALER AEPB ..	9	rabeprazole sodium TBEC .....	63	RENFLEXIS .....	46
PULMOZYME .....	61	raloxifene hcl .....	44	repaglinide 0.5 MG, 1 MG .....	16
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS .....	55			repaglinide 2 MG .....	16
pyrazinamide .....	22				
pyridostigmine bromide SOLN OR	22				

REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT .....	19	ritonavir TABS .....	30	SAVELLA TITRATION PACK MISC 60	
REPATHA SOSY .....	19	rivastigmine tartrate CAPS .....	60	saxagliptin hcl .....	15
REPATHA SURECLICK SOAJ .....	19	rizatriptan benzoate TABS 10 MG ..	52	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG .....	14
RETACRIT .....	48	rizatriptan benzoate TABS 5 MG ..	52	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG .....	14
RETEVMO .....	26	rizatriptan benzoate TBDP 10 MG ..	52	scopolamine .....	17
RETROVIR IV INFUSION SOLN ..	30	rizatriptan benzoate TBDP 5 MG ..	52	SELECT INSULIN SYRINGES ..	51
REXULTI .....	29	roflumilast .....	9	SELECT LANCETS .....	51
ribavirin (hepatitis c) CAPS .....	30	romidepsin SOLR .....	26	selegiline hcl CAPS .....	28
ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG 30		ropinirole hydrochloride TABS .....	28	selegiline hcl TABS .....	28
RIDAURA .....	3	ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG .....	28	selenium sulfide LOTN 2.5 % .....	39
rifabutin .....	22	ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG .....	28	SELZENTRY SOLN .....	30
rifampin CAPS .....	22	rosuvastatin calcium TABS .....	19	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG 30	
rifampin SOLR .....	22	ROTARIX SUSP .....	66	SEREVENT DISKUS .....	9
riluzole TABS .....	56	ROTARIX SUSR .....	66	sertraline hcl CONC .....	13
rimantadine hydrochloride TABS ..	31	ROTATEQ SOLN .....	66	sertraline hcl TABS 100 MG .....	13
ringer's .....	53	ROZLYTREK CAPS .....	26	sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG 13	
ringer's irrigation .....	54	RUBRACA .....	26	sevelamer carbonate PACK .....	46
RINVOQ .....	2	rufinamide SUSP .....	12	sevelamer carbonate TABS .....	46
risedronate sodium TABS 150 MG	43	rufinamide TABS 200 MG .....	12	SHINGRIX .....	66
risedronate sodium TABS 35 MG ..	43	rufinamide TABS 400 MG .....	12	SIGNIFOR .....	45
risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG .....	43	RUKOBIA .....	30	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN .....	33
risedronate sodium TBEC .....	43	RUXIENCE .....	23	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR .....	33
RISPERDAL CONSTA (risperidone microspheres) .....	28	RYBELSUS TABS .....	15	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS .....	33
risperidone microspheres .....	28	salsalate .....	4	sildenafil citrate .....	32
risperidone SOLN .....	28	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT ..	45	silodosin .....	46
risperidone TABS .....	28	SANTYL OINT .....	41		
risperidone TBDP .....	28	sapropterin dihydrochloride PACK	44		
		sapropterin dihydrochloride TABS	44		
		SAVELLA TABS .....	60		

silver sulfadiazine .....	39	magnesium sulfate .....	49	.....	42
SIMPONI ARIA SOLN .....	3	SOFOSBUVIR/VELPATASVIR TABS	.....	30	spironolactone TABS .....
SIMULECT .....	54	.....	30	SPRAVATO 56MG DOSE .....	13
simvastatin TABS .....	19	solifenacin succinate TABS .....	63	SPRAVATO 84MG DOSE .....	13
sirolimus TABS .....	54	SOLIQUA 100/33 .....	14	SPRYCEL .....	26
SIRTURO .....	22	SOLOSEC .....	2	stannous fluoride CONC .....	54
SIVEXTRO TABS .....	21	SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG,	.....	stavudine CAPS .....	30
SKYLA .....	35	1000 MG .....	36	STELARA 130 MG/26ML .....	46
SKYRIZI PEN SOAJ .....	38	SOLU-CORTEF 250 MG .....	36	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	39
SKYRIZI PSKT .....	39	SOLU-MEDROL 2 GM .....	36	STELARA SOSY 90 MG/ML .....	39
SKYRIZI SOCT .....	46	SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG .	.....	STENDRA .....	32
SKYRIZI SOSY .....	39	44	.....	STIMATE SOLN NA .....	44
SLYND .....	35	sorafenib tosylate .....	26	STIOLTO RESPIMAT .....	9
SM PRENATAL VITAMINS TABS	.....	SORBITOL 3 % .....	46	STIVARGA .....	26
.....	55	SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	.....	streptomycin sulfate SOLR .....	2
SODIUM ACETATE SOLN (sodium	.....	.....	46	STRIBILD .....	30
acetate) .....	52	sotalol hcl (afib/afi) .....	31	STRIVERDI RESPIMAT .....	9
sodium acetate SOLN .....	52	sotalol hcl TABS 240 MG .....	31	.....	9
sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	.....	sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG,	.....	SUBSYS LIQD 100 MCG .....	6
46	.....	160 MG .....	31	SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG,	.....
sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	.....	SOVALDI TABS 200 MG .....	30	600 MCG .....	5
.....	36	SOVALDI TABS 400 MG .....	30	SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200	.....
sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9	.....	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE	.....	MCG, 1600 MCG .....	6
%, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 % .....	53	SUSP .....	66	sucrafate SUSP .....	63
sodium citrate & citric acid .....	46	SPIKEVAX COVID-19	.....	sucrafate TABS .....	63
sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5	.....	VACCINE/2023-24 SUSP .....	66	.....	63
MG, 1 MG, 2.2 MG .....	53	SPIKEVAX COVID-19	.....	sulconazole nitrate CREA .....	38
sodium phenylbutyrate POWD .....	44	VACCINE/2023-24 SUSY .....	66	sulconazole nitrate SOLN .....	38
sodium phenylbutyrate TABS .....	44	spinosad .....	41	sulfacetamide sodium (acne) .....	37
sodium polystyrene sulfonate POWD	.....	SPIRIVA HANDIHALER CAPS	.....	sulfacetamide sodium (ophth) SOLN .	57
54	.....	(tiotropium bromide monohydrate) .	9	sulfacetamide sodium w/ sulfur	.....
sodium polystyrene sulfonate SUSP	.....	SPIRIVA RESPIMAT AERS .....	9	CREA 10 %-5 % .....	37
OR 15 GM/60ML .....	54	spironolactone & hydrochlorothiazide	.....	.....	37
sodium sulfate-potassium sulfate-	.....	.....	.....	.....	37

sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 % .....	37	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG .....	14	TEFLARO .....	34
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 % .....	37	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG .....	15	TEGRETOL SUSP (carbamazepine) .	12
sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 % .....	37	SYNRIBO .....	27	TEGRETOL TABS (carbamazepine) .	12
sulfacetamide sod-prednisolone SOLN .....	58	SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium) .....	62	TEGSEDI .....	61
sulfadiazine TABS .....	61	TABLOID .....	23	telmisartan .....	19
sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN .....	21	TABRECTA .....	26	telmisartan-amlodipine .....	20
sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP .....	21	tacrolimus (topical) OINT .....	41	telmisartan-hydrochlorothiazide ...	20
sulfamethoxazole-trimethoprim TABS .....	21	tacrolimus CAPS .....	54	temazepam 15 MG, 30 MG .....	48
SULFAMYLON CREA .....	39	tadalafil (pulmonary hypertension) TABS .....	33	temazepam 7.5 MG, 22.5 MG .....	48
sulfasalazine TABS .....	46	tadalafil 5 MG .....	32	TEMODAR SOLR .....	23
sulfasalazine TBEC .....	46	TAFINLAR CAPS .....	26	temozolomide CAPS .....	23
sulindac TABS .....	4	TAFINLAR TBSO .....	26	temsirolimus .....	26
sumatriptan .....	52	tafluprost .....	58	TENIVAC INJ .....	62
sumatriptan succinate SOAJ .....	52	TAGRISSE 40 MG .....	24	tenofovir disoproxil fumarate TABS 30	
sumatriptan succinate SOCT .....	52	TAGRISSE 80 MG .....	24	terazosin hcl .....	19
sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML .....	52	TAKHZYRO SOLN .....	47	terbinafine hcl TABS .....	17
sumatriptan succinate TABS .....	52	TAKHZYRO SOSY .....	47	terbutaline sulfate SOLN .....	9
sumatriptan-naproxen sodium ....	52	TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG .....	26	terbutaline sulfate TABS .....	9
sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG .....	26	tamoxifen citrate TABS .....	24	terconazole vaginal CREA .....	66
SUNOSI 150 MG .....	1	tamsulosin hcl .....	47	terconazole vaginal SUPP .....	66
SUNOSI 75 MG .....	1	TASIGNA 150 MG, 200 MG .....	26	teriflunomide .....	60
SYNAREL .....	44	TASIGNA 50 MG .....	26	teriparatide (recombinant) SOPN ..	43
SYNERA PTCH .....	41	tavorole .....	38	TERIPARATIDE SOPN .....	43
SYNJARDY TABS .....	15	tazarotene CREA .....	39	TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML .....	7
		TAZVERIK .....	26	testosterone cypionate SOLN IM ...	7
		TDVAX SUSP .....	62	testosterone enanthate SOLN IM ...	7
				TETANUS/DIPHTHERIA TOXOIDS- ADSORBED ADULT SUSP .....	62



tetrabenazine .....	60	tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML ....	20
tetracycline hcl CAPS .....	62	tobramycin-dexamethasone SUSP 58	48
THALOMID .....	54	TODAY SPONGE MISC .....	66
theophylline ELIX .....	10	tolcapone .....	27
theophylline SOLN .....	10	tolmetin sodium CAPS .....	4
theophylline TB12 .....	10	tolmetin sodium TABS 600 MG .....	4
theophylline TB24 .....	10	TOLSURA CAPS .....	17
THERANATAL CORE NUTRITION TABs .....	55	tolterodine tartrate CP24 .....	63
THIOLA EC TBEC 100 MG .....	47	tolterodine tartrate TABS .....	63
THIOLA EC TBEC 300 MG .....	47	tolvaptan TABS .....	45
thioridazine hcl .....	29	topiramate CPSP 15 MG .....	12
thiotepa 15 MG .....	23	topiramate CPSP 25 MG .....	12
thiothixene .....	29	topiramate CS24 .....	12
THYMOGLOBULIN .....	54	topiramate TABS 200 MG .....	12
THYROGEN 0.9 MG .....	41	topiramate TABS 25 MG, 100 MG ..	12
tiagabine hcl .....	12	topiramate TABS 50 MG .....	12
TIBSOVO .....	26	topotecan hcl SOLN .....	27
tigecycline .....	61	topotecan hcl SOLR .....	27
timolol maleate (ophth) SOLG .....	57	toremifene citrate .....	24
timolol maleate (ophth) SOLN .....	57	torsemide TABS .....	43
timolol maleate TABS .....	31	TRACLEER TBSO .....	33
tiopronin TBEC 100 MG .....	47	tramadol hcl TABS 50 MG .....	6
tiopronin TBEC 300 MG .....	47	tramadol hcl TB24 .....	6
tiotropium bromide monohydrate CAPS .....	9	tramadol-acetaminophen .....	6
TIVICAY TABS .....	30	trandolapril 1 MG, 2 MG .....	19
tizanidine hcl CAPS .....	56	trandolapril 4 MG .....	19
tizanidine hcl TABS .....	56	trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG .....	20
tobramycin (ophth) SOLN .....	57	trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2	
tobramycin NEBU .....	2	tranylcypromine sulfate .....	13
		travoprost SOLN .....	58
		TRAZIMERA .....	23
		trazodone hcl TABS .....	13
		TRECATOR .....	22
		TRELEGY ELLIPTA .....	9
		TRELSTAR MIXJECT .....	24
		TREMFYA SOPN .....	39
		TREMFYA SOSY .....	39
		treprostinil SOLN IJ .....	32
		tretinoin (chemotherapy) .....	27
		tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 % .....	37
		tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 % ....	37
		tretinoin microsphere 0.1 % .....	37
		TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG .....	23
		triamcinolone acetonide (mouth) ..	54
		triamcinolone acetonide (nasal) AERO .....	56
		triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 % .....	40
		triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 % .....	40
		triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 % .....	40
		triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 % .....	41
		triamcinolone acetonide (topical)	

LOTN 0.1 %	41	tropicamide SOLN 0.5 %	57	51
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %	41	tropicamide SOLN 1 %	57	TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %	41	trosipium chloride CP24	63	51
triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML	36	trosipium chloride TABS	63	TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC
triamcinolone acetonide-dimethicone- silicone	41	TRUE METRIX BLOOD GLUCOSETEST STRIPS STRP	42	51
triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG	43	TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	51	TRUXIMA
triamterene & hydrochlorothiazide TABS	43	TRUETRACK TEST STRP	42	23
triamterene CAPS	43	TRULICITY	15	TUKYSA
triazolam	48	TRUMENBA	64	26
TRICARE TABS	56	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	50	TUZISTRA XR
trientine hcl 250 MG	54	TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	50	36
trifluoperazine hcl TABS	29	TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	50	TWINRIX SUSY
trifluridine	57	TRUSTEX LUBRICATED MISC	51	66
trihexyphenidyl hcl SOLN	27	TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDED MISC	50	TWIRLA
trihexyphenidyl hcl TABS	27	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	50	34
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG- 12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	15	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	50	TYBLUME CHEW
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	15	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	50	TYBOST
TRIKAFTA TBPK 100 MG-50 MG	61	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	50	30
trimethobenzamide hcl CAPS	17	TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	51	TYMLOS
trimethoprim TABS	20	TRUSTEX WITH NONOXYNOL- 9/RIBBED/STUDDED MISC	51	43
trimipramine maleate CAPS	14	TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC		TYVASO REFILL SOLN IN
TRINTELLIX	13			32
TRIUMEQ TABS	30			TYVASO SOLN IN
TRIZIVIR	30			32
				TYVASO STARTER SOLN IN
				32
				UBRELVY
				51
				UCERIS (budesonide (intrarectal))
				.7
				UDENYCA ONBODY SOSY
				48
				UDENYCA SOAJ
				48
				UDENYCA SOSY
				48
				UPTRAVI TABS 200 MCG
				33
				UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG
				33
				UPTRAVI TITRATION PACK TBPK
				33
				ursodiol CAPS
				45
				ursodiol TABS
				45
				UVADEX
				27

valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG ...31	venlafaxine hcl TB24 150 MG ..... 14	voriconazole TABS .....17
valacyclovir hcl 500 MG .....31	venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG ..... 14	VOTRIENT (pazopanib hcl) .....26
valganciclovir hcl TABS .....30	verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG ..... 32	VYNDAMAX .....33
valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML .....12	verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG ..... 32	VYNDAQEL ..... 33
valproic acid CAPS ..... 12	verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML ...32	VYVANSE CAPS .....1
valrubicin .....25	verapamil hcl TABS .....32	warfarin sodium TABS ..... 10
valsartan TABS ..... 19	verapamil hcl TBCR .....32	water for irrigation, sterile ..... 54
valsartan-hydrochlorothiazide .....20	VEREGEN .....37	WESTAB PLUS TABS .....56
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD ....11	VERZENIO .....26	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60 .....51
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK ...11	VICTOZA .....15	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65 .....51
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK ...11	vigabatrin PACK ..... 12	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70 .....51
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD ..... 11	vigabatrin TABS .....12	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75 .....51
vancomycin hcl CAPS .....21	VIIBRYD STARTER PACK KIT ...13	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80 .....51
vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG .....21	vilazodone hcl TABS .....13	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85 .....51
vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML .21	vincristine sulfate .....27	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90 .....51
VAQTA ..... 66	vinorelbine tartrate 10 MG/ML .....27	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95 .....51
varenicline tartrate TABS ..... 61	VIRACEPT TABS 250 MG .....30	XALKORI CAPS ..... 26
varenicline tartrate TBPK ..... 61	VIRACEPT TABS 625 MG .....30	XARELTO STARTER PACK TBPK 10
VARIVAX INJ ..... 66	VIREAD POWD .....30	XARELTO SUSR .....10
VARUBI TBPK .....17	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG .....30	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG .. 10
VAXNEUVANCE ..... 64	VISTOGARD ..... 16	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..10
VECAMYL .....20	VITAMIN D2 TABS 400 UNIT .....67	XELJANZ SOLN .....2
VECTIBIX 100 MG/5ML ..... 24	VITATHELY/GINGER TABS .....56	XELJANZ TABS 10 MG .....2
VELPHORO .....46	VITRAKVI CAPS .....26	XELJANZ TABS 5 MG ..... 2
venlafaxine hcl CP24 150 MG ..... 14	VITRAKVI SOLN .....26	
venlafaxine hcl CP24 37.5 MG ..... 14	VIZIMPRO .....24	
venlafaxine hcl CP24 75 MG ..... 14	VORAXAZE .....27	
venlafaxine hcl TABS ..... 14		

XELJANZ XR TB24 .....	2	ZANOSAR .....	23	zolmitriptan TBDP .....	52
XEOMIN .....	56	ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .	12	zolpidem tartrate TABS .....	49
XERAIVA .....	61	ZARXIO .....	48	zolpidem tartrate TBCR .....	49
XGEVA SOLN .....	43	ZEJULA CAPS .....	26	zonisamide CAPS .....	12
XHANCE EXHU .....	56	ZEJULA TABS 100 MG .....	26	ZONTIVITY .....	47
XIFAXAN 200 MG .....	20	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG .	26	ZORBTIVE SC .....	44
XIFAXAN 550 MG .....	20	ZELBORAF .....	26	ZYDELIG .....	26
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG .....	15	ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT .....	42	ZYLET .....	58
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG .....	15	ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT .....	42		
XOLAIR SOLR .....	8	zidovudine CAPS .....	30		
XOLAIR SOSY 150 MG/ML .....	8	zidovudine SYRP .....	30		
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML .....	8	zidovudine TABS .....	30		
XOSPATA .....	26	ZIEXTENZO .....	48		
XPOVIO .....	24	zileuton TB12 .....	9		
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY 25		ziprasidone hcl .....	28		
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY 25		ZIRABEV .....	23		
XTAMPZA ER .....	6	ZIRGAN GEL .....	57		
XTANDI CAPS .....	24	ZOLADEX 10.8 MG .....	24		
XTANDI TABS 40 MG .....	24	ZOLADEX 3.6 MG .....	24		
XTANDI TABS 80 MG .....	24	zoledronic acid CONC .....	43		
XULTOPHY 100/3.6 .....	15	zoledronic acid SOLN .....	43		
YERVOY .....	23	ZOLINZA .....	26		
YONSA .....	24	zolmitriptan SOLN .....	52		
zafirlukast .....	9	zolmitriptan TABS .....	52		
zaleplon 10 MG .....	49				
zaleplon 5 MG .....	48				
ZALTRAP 100 MG/4ML .....	23				

